

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

TRẦN THỊ THANH HƯỜNG

**HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO NÔNG THÔN NGHỆ AN
TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH**

Hà Nội – 2015

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

TRẦN THỊ THANH HƯỜNG

**HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO NÔNG THÔN NGHỆ AN
TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ
MÃ SỐ: 60 34 01**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS MAI THỊ THANH XUÂN

XÁC NHẬN CỦA GVHD

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ
TỊCH HỘI ĐỒNG**

Hà Nội – 2015

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	ii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	iii
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO NÔNG THÔN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG.....	4
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	4
1.1.1. Những công trình đã công bố liên quan đến nội dung đề tài luận văn	4
1.1.2. Những kết quả, hạn chế của các công trình trên và một số vấn đề cần được nghiên cứu tiếp	7
1.2. Những vấn đề lý luận cơ bản về hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường	8
1.2.1. Vai trò của thị trường và sự cần thiết hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường.....	8
1.2.2. Nhà nước trong hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường	20
1.2.3. Nội dung của việc Nhà nước hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường.....	25
CHƯƠNG 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	33
CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO NÔNG THÔN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG Ở TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2006-2013	37
3.1. Đôi nét về tỉnh Nghệ An	37
3.1.1. Vị trí địa lý	37
3.1.2. Dân số và nguồn nhân lực	38
3.1.3. Tình hình phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An năm 2013.....	38
3.2. Các hoạt động hỗ trợ người dân nông thôn tiếp cận thị trường ở Nghệ An giai đoạn 2006- 2013	40
3.2.1. Hỗ trợ pháp lý cho người nghèo	40
3.2.2. Hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo	43
3.2.3. Hỗ trợ tín dụng cho hộ nghèo	47
3.2.4. Hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất.....	50
3.2.5. Hỗ trợ phát triển thị trường nông thôn.....	51
3.3. Tác động của hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường đến xóa đói giảm nghèo ở nông thôn Nghệ An	54
3.4. Đánh giá chung	58
3.4.1. Kết quả đạt được	58

3.4.2. <i>Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân</i>	59
CHƯƠNG 4 QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỖ TRỢ	
NGƯỜI NGHÈO NÔNG THÔN NGHỆ AN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG	65
4.1. <i>Quan điểm về xoá đói giảm nghèo và hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường</i>	65
4.1.1. <i>Gắn sự phát triển kinh tế với giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững</i> ...	65
4.1.2. <i>Hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường là việc làm vừa mang tính cấp thiết, vừa mang tính lâu dài</i>	66
4.1.3. <i>Hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường không chỉ là giúp họ làm kinh tế, mà còn phải giúp họ tiếp cận các dịch vụ xã hội</i>	66
4.2. <i>Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường</i>	67
4.2.1. <i>Trang bị kiến thức về kinh tế thị trường cho người nghèo</i>	67
4.2.2. <i>Tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận được với các nguồn vốn tín dụng, nhất là nguồn tín dụng ưu đãi</i>	68
4.2.3. <i>Tăng cường cung cấp thông tin về thị trường cho người nghèo</i>	70
4.2.4. <i>Đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để giúp người nghèo phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm</i>	71
4.2.5. <i>Phát huy vai trò tích cực của mô hình liên kết “4 nhà”</i>	74
4.3. <i>Một số vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu</i>	76
KẾT LUẬN	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	82

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	CSHT	Cơ sở hạ tầng
2	DN	Doanh nghiệp
3	DTTS	Dân tộc thiểu số
4	KH-CN	Khoa học – công nghệ
5	KTTT	Kinh tế thị trường
6	NHCSXH	Ngân hàng chính sách xã hội
7	NS&VSMT	Nước sạch và vệ sinh môi trường
8	PBGDPL	Phổ biến giáo dục pháp luật
9	SXKD	Sản xuất kinh doanh
10	TGPL	Trợ giúp pháp lý
11	TTKH&CN	Thị trường khoa học và công nghệ
12	UBND	Ủy ban nhân dân
13	XĐGN	Xóa đói giảm nghèo

DANH MỤC CÁC BẢNG

STT	Bảng	Nội dung	Trang
1	Bảng 1.1	Thực trạng manh mún đất đai năm 2010	14
2	Bảng 3.1	Nguồn nhân lực Nghệ An tính đến tháng 9/2013	38
3	Bảng 3.2	Thực trạng hộ nghèo ở một số huyện của Nghệ An năm 2011	54
4	Bảng 3.3	Tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo thành thị, nông thôn	56

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trên các lĩnh vực kinh tế- xã hội. Nền kinh tế tăng trưởng khá ổn định, môi trường đầu tư ngày càng được cải thiện, từng bước đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển. Việt Nam đã đạt được mức thu nhập bình quân của thế giới. Trong công cuộc xóa đói giảm nghèo (XDGN), Việt Nam là một trong những nước đi đầu, sớm đạt được mục tiêu Thiên niên kỷ về giảm tỉ lệ nghèo đói trước năm 2015. Việt Nam được công nhận là “mô hình mẫu mực về phát triển và chống nghèo, đặc biệt do phân phối lại công bằng lợi ích kinh tế giữa các tầng lớp xã hội”. Không chỉ chú ý đến việc XDGN cho những người thuộc diện nghèo chung, năm 2008, Chính phủ có Nghị quyết 30a hỗ trợ cho 63 huyện miền núi, hải đảo khó khăn nhất nước giảm nghèo nhanh và bền vững.

Tại Nghệ An chương trình XDGN đã được tỉnh nhận thức và thực hiện từ khá sớm. Đáng chú ý là những hộ nghèo phần lớn đều tập trung ở khu vực nông thôn và miền núi, điều kiện sinh hoạt, canh tác sản xuất còn thiếu thốn khó khăn. Nhiều người, do trình độ thấp, thiếu sự hiểu biết về nền kinh tế thị trường nên việc tìm kế sinh nhai rất khó khăn, thậm chí, một số không nhỏ sau khi nhận được những sự trợ cấp, hỗ trợ (bằng hiện vật, tiền) thì không biết sử dụng sử dụng chúng thế nào cho có hiệu quả, vì vậy nghèo vẫn hoàn nghèo. Một số khác cũng biết dùng tiền hỗ trợ để làm ăn, nhưng lại không biết lợi dụng cơ hội do thị trường tạo ra nên họ cũng chỉ tạm xóa được cái đói trước mắt, mà chưa thể thoát nghèo bền vững. Vì vậy chỉ cần một vài biến động trong cuộc sống, xã hội tác động đến là họ lại quay trở lại thuộc diện nghèo.

Hiện nay, nhà nước có rất nhiều giải pháp để giúp đỡ, hỗ trợ người dân nghèo, nhưng các chính sách đó mới chỉ dừng lại ở những động thái ban đầu: cấp vốn, dạy nghề, hỗ trợ kỹ thuật..., mà chưa chú trọng đến việc hỗ trợ

người nông dân tiếp cận với thị trường để tìm kiếm các yếu tố đầu vào và tiêu thụ sản phẩm mà họ làm ra. Mặt khác, do người nghèo bị hạn chế về kiến thức, kỹ năng nghề, về vốn... nên rất khó khăn trong việc tìm hiểu, tiếp cận thị trường. Vì vậy, Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương cần có sự hỗ trợ đắc lực để người nông dân có thể dễ dàng tiếp cận được với các yếu tố sản xuất, thông tin thị trường, hỗ trợ về pháp lý giúp họ có thể khai thác được mặt tích cực của thị trường để thoát nghèo bền vững và tiến tới làm giàu.

Vậy, tại Nghệ An hiện nay, hoạt động hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với người nghèo nông thôn trong tiếp cận thị trường đạt được mức độ nào? Những hạn chế gì cần khắc phục? và trong thời gian tới cần phải làm gì để sự hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với người nghèo tiếp cận thị trường hiệu quả nhất, nhằm giúp họ nhanh chóng thoát nghèo một cách bền vững? Đó là các câu hỏi đặt ra cho các cấp, các ngành, các giới tại tỉnh Nghệ An, và cả người Nghệ An sinh sống trên khắp mọi miền đất nước phải giải đáp. Chúng tôi lựa chọn đề tài luận văn thạc sỹ là: “**Hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường**” cũng là nhằm mục đích đó.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

*** Mục tiêu nghiên cứu:**

Khảo sát hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn nghệ An tiếp cận thị trường, những tác động, hạn chế trong quá trình đó và đề xuất giải pháp hỗ trợ người nghèo ở vùng nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường hiệu quả hơn.

*** Nhiệm vụ nghiên cứu:**

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường.

- Phân tích, đánh giá những thành tựu và hạn chế trong hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường và tác động của nó đến công tác xóa đói, giảm nghèo vùng nông thôn Nghệ An trong những năm qua.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hỗ trợ người dân nghèo nông thôn tiếp cận thị trường tốt hơn, góp phần thực hiện xóa đói, giảm nghèo cho người dân nông thôn Nghệ An một cách bền vững.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* **Đối tượng nghiên cứu:** các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường, bao gồm một số hoạt động hỗ trợ về xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường và phát triển thị trường nông thôn.

* **Phạm vi nghiên cứu:** địa bàn nông thôn Nghệ An, giai đoạn từ 2006 đến 2013 và định hướng đến năm 2020.

4. Đóng góp mới của đề tài

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tại tỉnh Nghệ An hiện nay, chỉ ra những thành tựu, hạn chế của hoạt động này trong thời gian 2006- 2013;

- Chỉ rõ sự cần thiết phải hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường để xóa đói giảm nghèo;

- Đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn cho tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của đề tài được kết cấu thành 4 chương:

- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận về hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường;

- Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

- Chương 3: Thực trạng hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường giai đoạn 2006 – 2013

- Chương 4: Quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO NÔNG THÔN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Những công trình đã công bố liên quan đến nội dung đề tài luận văn

Đói nghèo và giúp người dân nông thôn xóa đói giảm nghèo là vấn đề vừa mang tính kinh tế, vừa mang tính xã hội. Vì vậy, xung quanh vấn đề này đã có khá nhiều công trình nghiên cứu. Trong đó đáng chú ý là:

- Sách: Vấn đề giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay của tác giả Trần Thị Hằng trình bày các lý luận về nghèo và giảm nghèo, từ đó tác giả đưa ra phương hướng và giải pháp chủ yếu giảm nghèo ở nước ta hiện nay.

- Sách: “Công trình Nghèo đói và xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam” của Nguyễn Hữu Tiến, Lê Xuân Bá, Chu Tiến Quang đã nghiên cứu tương đối hoàn chỉnh, hệ thống lý luận và điều tra thực tiễn, gồm khá nhiều tư liệu, thông tin cập nhật, đặc biệt là các tác giả đã có cách tiếp cận và trả lời nhiều câu hỏi đặt ra chung quanh vấn đề đói nghèo và kiến nghị nhiều giải pháp giúp đỡ người nghèo.

- Một số tổ chức phi chính phủ trong quá trình tài trợ cho các chương trình, dự án XĐGN, bảo vệ môi trường sinh thái, cải cách hành chính... ở vùng nông thôn, miền núi, DTTS nước ta, đã có các công trình nghiên cứu cũng như báo cáo đánh giá. Có thể kể đến một số công trình như:

+ “*Đẩy mạnh công tác phát triển đối với các dân tộc thiểu số*” của Nhóm hành động chống đói nghèo do UNDP chủ trì, đã chỉ ra các thách thức đối với việc thực hiện XĐGN, đề xuất các phương pháp để đánh giá mức nghèo của các DTTS.

+ Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB (giữ bản quyền) sách “*Kết nối nông dân với thị trường thông qua sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng*” (Hà Nội, 9, 2005). Cuốn sách là sự đúc kết từ dự án Nâng cao hiệu quả thị trường cho người nghèo được tài trợ bởi DFID (UK), đồng tài trợ là ADB và ADBI (Tokyo) với mục đích hỗ trợ kỹ thuật vùng cho Lào, Việt Nam và Campuchia. Cuốn sách đã chỉ ra vai trò của hợp đồng trong điều phối sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm giữa những người tham gia khác nhau trong chuỗi giá trị và từ đó chứng minh được lợi ích của việc sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng cho nông dân.

+ Báo cáo “Hội nhập thị trường của nông dân nghèo vùng cao. Khảo sát thực tế ở 12 xã nghèo vùng cao tỉnh Sơn La” (Sơn La, 2/2006) của nhóm nghiên cứu nhỏ gồm các cố vấn của Tổ chức Phát triển Hà lan (SNV), Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và các cán bộ khuyến nông đã tiến hành chuyến đi khảo sát thực tế. Nghiên cứu này là một phần của dịch vụ tư vấn mà SNV cung cấp cho Nhóm tư vấn tỉnh, trong khuôn khổ Dự án Tiếp cận Thị trường cho Người nghèo. Mục tiêu của nghiên cứu là mô tả mức độ tiếp cận thị trường của nông dân các xã nghèo, các sản phẩm hiện có và sản phẩm tiềm năng cho xã theo quan điểm của họ. Kết luận chung là người nghèo thực sự đã ít nhiều hội nhập được vào thị trường, tuy nhiên mức độ hội nhập phụ thuộc rất nhiều vào một loại sản phẩm (ngô lai) đã thay thế được sản phẩm lúa và các dịch vụ thiết yếu khác như khuyến nông, tín dụng và thông tin thị trường cho người nghèo còn rất hạn chế.

- *Xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Nghệ An hiện nay theo tư tưởng của Hồ Chí Minh* (Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Khoa học chính trị năm 2010, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội, đăng tải trên website <http://www.kilobooks.com>). Trong đề tài, tác giả đã tập trung nghiên cứu các giải pháp để xoá đói giảm nghèo ở Nghệ An theo hướng nghiên cứu

tư tưởng Hồ Chí Minh về xóa đói, giảm nghèo cũng như thực trạng đói nghèo, công tác xóa đói, giảm nghèo ở Nghệ An, lý giải một cách khoa học cơ sở lý luận và thực tiễn vấn đề xóa đói, giảm nghèo, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về xóa đói, giảm nghèo để đưa ra các giải pháp phù hợp với thực tiễn địa phương Nghệ An.

- Công trình *Đánh giá nghèo có sự tham gia của cộng đồng tại Nghệ An* của Nhóm Hành động chống đói nghèo (PTF), đã đưa ra những kết quả nghiên cứu về đói nghèo ở Nghệ An, góp phần cho các quy trình lập kế hoạch với định hướng vì người nghèo ở các cấp chính quyền địa phương.

- “Các giải pháp giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội góp phần đưa Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước” của tác giả Bùi Nguyên Lân , đăng trên website Sở Lao động thương binh xã hội Nghệ An

<http://sldtbxhnghean.gov.vn/>. Trong bài viết này, tác giả đã đưa ra những giải pháp để thực hiện các chính sách , chương trình đang thực hiện để xóa đói giảm nghèo cho người nghèo của tỉnh.

- *Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường lao động cho người nghèo ở huyện Con Cuông Tỉnh Nghệ An* (Đề tài tốt nghiệp đại học của Đặng Thị Thuý Hằng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội , năm 2011, đăng tải trên website <http://www.atheenah.com/>). Đề tài nghiên cứu sâu về thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động đối với người nghèo và đưa ra giải pháp để hỗ trợ người nghèo huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia vào thị trường lao động, giúp người nghèo huyện Con Cuông có việc làm , tạo ra thu nhập để thoát nghèo.

- Năm 2011, UBND tỉnh Nghệ An cũng đã đưa ra dự thảo để thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2011-2015. Dự thảo đã đề ra các giải pháp để hỗ trợ người nghèo trên các mặt : thực hiện tốt các chính sách ,

chương trình XDGN đang thực thi , thực hiện hỗ trợ người nghèo được tiếp cận các chính sách an sinh xã hội ...

- Tháng 5 năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã xây dựng đề án Giảm nghèo và nâng cao mức sống cho nhân dân vùng miền Tây và vùng ven biển Nghệ An đến năm 2020. Đề án tập trung đánh giá thực trạng, nguyên nhân nghèo đói của người dân ở vùng miền Tây và vùng ven biển của Nghệ An (là những vùng có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng vừa thiếu vừa yếu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm còn thấp, tỉ lệ nghèo đói luôn ở mức cao hơn so với tỉ lệ nghèo đói bình quân của tỉnh). Từ đó đề ra giải pháp nhằm giảm tỉ lệ nghèo đói và nâng cao mức sống cho người dân ở những vùng này.

1.1.2. Những kết quả, hạn chế của các công trình trên và một số vấn đề cần được nghiên cứu tiếp

Qua các công trình công bố có thể thấy mảng đề tài về XDGN trong đó có đề tài thực hiện XDGN cho người i nghèo nông thôn đã thu hút được sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều tác giả, của nhiều công trình nghiên cứu.

Các nghiên cứu chung về các hoạt động hỗ trợ XDGN cho người nghèo đã khảo sát và chỉ ra những nguyên nhân , thách thức trong công tác XDGN cho người nghèo vùng nông thôn, miền núi. Bên cạnh đó đưa ra các giải pháp tập trung giải quyết vấn đề xóa đói giảm nghèo trực tiếp, trước mắt, như trợ cấp, tạo việc làm, “cầm tay chỉ việc”..., tuy nhiên chỉ có một vài công trình nghiên cứu một cách hệ thống về các giải pháp xóa đói giảm nghèo cho họ một cách lâu dài, bền vững, trong đó có giải pháp quan trọng là giúp họ tiếp cận thị trường, làm cho họ có kiến thức tốt hơn về kinh tế thị trường để họ biết nắm bắt những cơ hội thị trường tạo ra để làm giàu cho bản thân, và cho

xã hội. Đề tài này sẽ cố gắng giải quyết một phần nội dung đó: tìm giải pháp hỗ trợ người nghèo Nghệ An tiếp cận thị trường.

Để làm rõ hoạt động hỗ trợ người nghèo Nghệ An tiếp cận thị trường nhằm giúp họ XĐGN luận văn tập trung nghiên cứu một số vấn đề sau:

- Từ nghiên cứu vai trò của thị trường và vai trò của Nhà nước trong việc XĐGN cho người nghèo nói chung và đối với người nghèo nông thôn nói riêng, luận văn đi sâu nghiên cứu các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường từ năm 2006 – 2013, định hướng đến năm 2020.

- Đánh giá những thành công cũng như hạn chế của các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường trong thời gian qua.

- Đưa ra một số giải pháp và khuyến nghị để nâng cao hơn nữa hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ cho người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường trong thời gian tới, góp phần giúp họ thoát khỏi đói nghèo một cách bền vững và vươn lên làm giàu trên mảnh đất quê hương, góp phần đưa Nghệ An thoát khỏi tình nghèo, thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, thực hiện mục tiêu đưa Nghệ An trở thành trung tâm văn hóa – kinh tế – xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ.

1.2. Những vấn đề lý luận cơ bản về hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường

1.2.1. Vai trò của thị trường và sự cần thiết hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường

1.2.1.1. Nghèo đói và nguyên nhân đói nghèo ở nông thôn

- Khái niệm nghèo đói

Nghèo diễn tả sự thiếu cơ hội để có thể sống một cuộc sống tương ứng với các tiêu chuẩn tối thiểu nhất định. Thước đo các tiêu chuẩn này và các nguyên nhân dẫn đến nghèo nàn thay đổi tùy theo địa phương và theo thời

gian. Tổ chức Y tế Thế giới định nghĩa nghèo theo thu nhập. Theo đó một người là nghèo khi thu nhập hàng năm ít hơn một nửa mức thu nhập bình quân trên đầu người hàng năm (Per Capita Income, PCI) của quốc gia. Để có một cái nhìn tổng quan về các vấn đề của các nước đang phát triển, Robert McNamara, khi là giám đốc của Ngân hàng Thế giới, đã đưa ra khái niệm nghèo tuyệt đối. Ông định nghĩa khái niệm nghèo tuyệt đối như sau: "Nghèo ở mức độ tuyệt đối... là sống ở ranh giới ngoài cùng của tồn tại. Những người nghèo tuyệt đối là những người phải đấu tranh để sinh tồn trong các thiếu thốn tồi tệ và trong tình trạng bỏ bê và mất phẩm cách vượt quá sức tưởng tượng mang dấu ấn của cảnh ngộ may mắn của giới trí thức chúng ta."

Tại Hội nghị chống đói nghèo khu vực Châu Á- Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tại Băng Cốc, Thái Lan tháng 9/1993 đã đưa ra khái niệm về nghèo, theo đó: ***“Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán của địa phương”*** [18]. Nghèo được định nghĩa dựa vào hoàn cảnh xã hội của cá nhân, nghèo không chỉ đơn giản là mức thu nhập thấp mà còn thiếu thốn trong việc tiếp cận dịch vụ, như giáo dục, văn hóa, thuốc men, không chỉ thiếu tiền mặt, thiếu những điều kiện tốt hơn cho cuộc sống mà còn thiếu thể chế kinh tế thị trường hiệu quả, trong đó có các thị trường đất đai, vốn và lao động cũng như các thể chế nhà nước được cải thiện có trách nhiệm giải trình và vận hành trong khuôn khổ pháp lý minh bạch cũng như một môi trường kinh doanh thuận lợi. Mức nghèo còn là tình trạng đe dọa bị mất những phẩm chất quý giá, đó là lòng tin và lòng tự trọng.

Đối với Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đã 5 lần nâng mức chuẩn nghèo trong thời gian từ 1993 đến đầu năm 2011. Theo Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 9 năm 2001, trong đó phê duyệt

"Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói và giảm nghèo giai đoạn 2001-2005", thì những hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn miền núi và hải đảo từ 80.000 đồng/người/tháng (960.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực nông thôn đồng bằng những hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người từ 100.000 đồng/người/tháng (1.200.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực thành thị những hộ có thu nhập bình quân đầu người từ 150.000 đồng/người/tháng (1.800.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo. Theo Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8 tháng 7 năm 2005 về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010 thì ở khu vực nông thôn những hộ có mức thu nhập bình quân từ 200.000 đồng/người/tháng (2.400.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực thành thị những hộ có thu nhập bình quân từ 260.000 đồng/người/tháng (dưới 3.120.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo. Quyết định số 9/2011/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

* Ở nông thôn:

+ Hộ nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4,8 triệu đồng/người/năm) trở xuống.

+ Hộ cận nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân từ 401.000 đồng đến 520.000 đồng/người/tháng.

* Ở thành thị:

+ Hộ nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng (từ 6 triệu đồng/người/năm) trở xuống.

+ Hộ cận nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân từ 501.000 đồng đến 650.000 đồng/người/tháng.

- Nguyên nhân đói nghèo ở nông thôn

Sự đói nghèo của người dân nông thôn có các nguyên nhân như: do điều kiện tự nhiên (về đất đai, khí hậu, vị trí địa lý); do không có khả năng lao động (ốm đau, bệnh bẩm sinh, tuổi cao, trình độ thấp...); do không được tiếp cận các nguồn lực để tiến hành sản xuất (đất đai, vốn, khoa học kỹ thuật...); do năng suất lao động thấp, chất lượng lao động chưa cao...; sản phẩm làm ra chưa tiếp cận được với thị trường (do chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, sản phẩm bị ép giá...), do sự phân hóa trong nền kinh tế thị trường (KTTT).

Nông thôn là khu vực chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, địa bàn thường cách xa các trung tâm kinh tế, xã hội. Chính những điều này đã có ảnh hưởng đến điều kiện sống, trình độ, mức độ nhận thức của người dân nơi đây đối với xã hội nói chung, với các phương pháp, cách thức sản xuất tiên tiến, hiện đại nói riêng. Do trình độ dân trí còn thấp đã ảnh hưởng đến việc học tập, tiếp thu các phương pháp sản xuất, dẫn đến năng suất lao động thấp.

Có những vùng nông thôn điều kiện khí hậu, đất đai... rất khắc nghiệt, khô cằn. Những vùng này, người dân gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện trồng trọt, chăn nuôi. Sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá là gần như không thể, nếu sản xuất nông nghiệp ở những vùng này, chi phí sẽ rất cao, không thể mang lại lợi nhuận cho bà con. Vì vậy, nếu không có định hướng và tổ chức cho bà con phát triển những ngành phi nông nghiệp, thì sự nghèo đói luôn dai dẳng với những người dân nơi đây.

Nông nghiệp là ngành cung cấp lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội, là nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp chế biến. Nhưng người nông dân luôn chịu thua thiệt khi bán các sản phẩm nông sản mà mình làm ra. Thực trạng “được mùa, mất giá” luôn ám ảnh bà con nông dân, mất mùa đói kém đã đành, được mùa cũng chịu thua thiệt đủ đường, người nông dân vốn

đã vất vả, nay càng vất vả hơn do bị thương lái chèn ép trên thị trường. Bên cạnh đó, do chỉ mới đầu tư vào sản xuất nên các nông sản bán ra hầu như ở dạng thô, giá trị gia tăng thấp, vì vậy mà giá thành sản phẩm cũng không thể bán cao được.

Một khó khăn nữa cho người nông dân khiến cho khi họ sản xuất được các sản phẩm rồi nhưng vẫn khó tiêu thụ đó là khả năng tiếp cận về thông tin thị trường và khả năng tiếp cận với thị trường của họ. Nông dân gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin thị trường và tìm đầu ra cho sản phẩm. Để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả, khả năng cạnh tranh cao thì vấn đề quan trọng là phải nghiên cứu, mở rộng thị trường tiêu thụ, đáp ứng được các yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng. Trong xu thế phát triển hiện đại, mọi quá trình sản xuất đều do thị trường quyết định chứ không phải chỉ làm những gì mình có. Cho nên cần định hướng cho nông dân sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, bán cho ai. Việc sản xuất phải xuất phát từ thị trường, do thị trường và vì thị trường quyết định. Nếu như kinh tế thời tự cung tự cấp, sản xuất với mục đích tự phục vụ nhu cầu, hàng hoá ít có sự trao đổi, tư duy sản xuất khép kín; thời kinh tế kế hoạch hoá tập trung sản xuất theo chỉ tiêu kế hoạch với mục đích phục vụ Nhà nước, hàng hoá làm ra phải giao nộp sản phẩm, Nhà nước thống nhất thu mua; còn ở thời kinh tế thị trường, bà con sản xuất cái do thị trường mách bảo với mục đích phục vụ nhu cầu thị trường, hàng hoá tự do trao đổi, tư duy sản xuất cũng phải năng động, sáng tạo.

Hiện tại, sản xuất nông nghiệp vẫn còn ở tình trạng lạc hậu phụ thuộc nhiều vào thời tiết khi có dịch bệnh xảy ra trên cây con bà con nông dân tự xử lý bằng cách ra các cửa hàng thuốc để mua thuốc rồi về tự chữa cho cây, con bị bệnh. Nhưng do trình độ của bà con nông dân còn thấp và các cửa hàng bán thuốc không đảm bảo, thuốc giả nên làm cho tình hình dịch bệnh càng diễn biến xấu hơn, dẫn đến mất mùa, mất vốn. Có thể thấy, với việc trồng trọt, chăn nuôi còn

dựa vào kinh nghiệm, còn mang tính phong trào, chưa thực sự đưa khoa học kỹ thuật vào canh tác nên năng suất lao động thấp, khả năng dịch bệnh xảy ra cao, mất mùa, đói nghèo xảy ra như cái vòng luẩn quẩn đời đời.

Ngoài ra, sản xuất nông nghiệp ở nông thôn hầu hết đang được thực hiện trên quy mô nhỏ, ruộng đất manh mún, diện tích ao hồ bé, đủ canh tác với quy mô của từng hộ gia đình. Hiện nay, theo tiêu chuẩn của thế giới, Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ manh mún đất đai cao nhất so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người trên thế giới là 0.52 ha, trong khu vực là 0.36 ha thì ở Việt Nam là 0.25 ha. Trong giai đoạn 10 năm (2001 - 2010), diện tích đất nông nghiệp có xu hướng giảm. Theo số liệu của Tổng cục Quản lý đất, Bộ Tài nguyên Môi trường, bình quân mỗi năm đất nông nghiệp giảm gần 100 nghìn hecta, đặc biệt năm 2007 giảm 120 nghìn hecta. Cùng với đó là sự gia tăng dân số ở Việt Nam trong những năm vừa qua nhất là dân số ở vùng nông thôn làm cho bình quân đất sản xuất trên đầu người ngày càng giảm mạnh. Năm 2000 trung bình diện tích đất nông nghiệp tính trên đầu người là 680m², năm 2005: 630m², năm 2011: 437m². (Nguồn: Niên giám thống kê các năm). Cùng với sự sụt giảm trong diện tích bình quân đầu người là sự thu hẹp về quy mô sản xuất; theo Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn (1999), 70.36% hộ nông dân có diện tích canh tác khoảng 0.5ha; chỉ có 3.46% số hộ có diện tích canh tác lớn hơn 3ha. Đến năm 2010, tỷ lệ hộ có diện tích đất canh tác nhỏ hơn 0.5ha có giảm nhưng không đáng kể: cả nước tỷ lệ này vẫn là 67.38%. Trong đó, Đồng bằng sông Hồng đạt tỷ lệ cao nhất với 94.46%, Miền núi phía Bắc: 63.9%, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: 79.54%, Tây Nguyên: 24.08%. Đông Nam Bộ: 35.48%, Đồng bằng sông Cửu Long: 47.96%. Theo Điều tra nông thôn của dự án DANIDA với bộ số liệu Điều tra tiếp cận nguồn lực của hộ gia đình Việt Nam

(VARHS) được tiến hành điều tra trên địa bàn 12 tỉnh của Việt Nam trong khoảng thời gian từ tháng 7 - 9/2008 đến tháng 6-8/2010 tại 12 tỉnh cho thấy diện tích đất canh tác trung bình của một hộ nông dân là 0.85ha, trung bình mỗi hộ có 4,7 mảnh đất khác nhau, tổng khoảng cách từ nơi ở đến ruộng của các hộ nông dân khoảng 4,7km.

Bảng 1.1. Thực trạng manh mún đất đai năm 2010

Tỉnh	Diện tích đất canh tác (ha) (trung bình)	Số mảnh đất	Tổng khoảng cách đến các mảnh (m)
Lào Cai	1.06	5.1	6,499
Phú Thọ	0.51	6.2	4,084
Lai Châu	0.95	5.3	9,655
Điện Biên	1.19	6.1	12,196
Nghệ An	0.68	4.8	3,871
Quảng Nam	0.36	4.5	3,180
Khánh Hòa	1.00	3.5	4,242
Đắk Lắk	1.47	3.9	5,754
Đắk Nông	2.61	3.1	7,188
Lâm Đồng	1.37	2.9	5,036
Long An	1.52	3.0	2,298
Đồng bằng phía Bắc	0.41	5.5	4,034
Miền núi phía Bắc	1.06	5.5	9,602
Tây Nguyên	1.83	3.4	6,066
Đồng bằng phía Nam	0.94	3.7	2,828
Total	0.85	4.7	4,766

Nguồn: Số liệu của dự án DANIDA [8]

Theo số liệu điều tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đến năm 2011 Việt Nam vẫn còn 69% số hộ sử dụng đất sản xuất có quy mô dưới 0.5ha; 34.7% số hộ có quy mô dưới 0.2 ha. Như vậy, có thể thấy đất sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam đang bị phân tán lớn, quy mô sản xuất nhỏ, số thửa canh tác nhiều. Người nông dân sau khi đã được giao quyền sở hữu những tư liệu sản xuất này đều có thể mang đi ngân hàng để vay, nhưng thường chỉ được cho vay tối đa 60% giá trị tài sản cầm cố, điều này khiến cho đồng vốn của họ bị hạn hẹp, thiếu vốn đã ảnh hưởng rất lớn đến việc quyết định đầu tư sản xuất của người nông dân.

Có một thực trạng tồn tại bấy lâu nay ở các vùng quê nghèo, đó là thanh niên có sức lao động đều thoát ly đi làm ăn xa, chỉ còn các bậc cao tuổi, không còn khả năng lao động ở nhà, do không có việc làm, không thể tạo ra thu nhập nên những hộ như vậy cũng được xét thuộc diện nghèo. Thực trạng này cũng đang trở thành vấn đề nan giải, nếu họ thuộc diện nghèo, đương nhiên sẽ được hưởng các chế độ trợ cấp, hỗ trợ các yếu tố sản xuất, nhưng vấn đề là gần như họ không thể sử dụng được các yếu tố đó, trong khi các hộ đang cần thì lại không được tiếp cận do không thuộc diện được hưởng (đặc biệt các hộ cận nghèo). Điều này gây ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư cho khu vực nông thôn, người nghèo ở nông thôn, làm cho tình trạng nghèo đói ở vùng nông thôn càng thêm khó khăn.

Ngoài ra, còn có một thực trạng là do lâu nay được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước từ các dự án xóa đói giảm nghèo, nên với việc năng lực sản xuất, năng lực lao động đã yếu, thiếu kiến thức sản xuất, thiếu các kỹ năng lao động cơ bản, nên có không ít các hộ nghèo, có tâm lý ỷ lại, chỉ trông chờ vào các hỗ trợ mà không chủ động tranh thủ các lợi ích từ các dự án xóa đói giảm nghèo mang lại, không chỉ dừng ở hộ gia đình, hiện tượng các xã

còn “xin” để “được” làm hộ nghèo, xã nghèo nhằm hưởng lợi từ các dự án, chính sách của Nhà nước.

Cơ sở hạ tầng ở khu vực nông thôn còn nhiều yếu kém, bất cập. Trong đó, việc thiếu nước, thiếu điện đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc canh tác, sản xuất của bà con nông dân, ảnh hưởng đến năng suất lao động. Hệ thống đường sá nội liên xã, liên huyện (đặc biệt ở các vùng miền núi) còn thiếu, điều này đã làm cho việc liên kết giữa miền núi với miền xuôi, giữa các vùng miền còn gặp nhiều khó khăn. Việc đi lại không thuận lợi đã làm cho việc trao đổi, buôn bán sản phẩm giữa người dân các vùng thêm khó khăn, thậm chí khi không đi các vùng khác để bán được, vận chuyển hàng hóa khó khăn, không tiếp cận được về thông tin giá cả hàng hóa trên thị trường, nông dân nhiều vùng đã phải chấp nhận bán sản phẩm với giá thấp.

Như vậy, có rất nhiều nguyên nhân có thể dẫn đến sự nghèo đói cho những người dân ở khu vực nông thôn, chỉ khi họ có cơ hội được tiếp cận với các thị trường yếu tố đầu vào, thị trường đầu ra cho sản phẩm, họ được tiếp cận với các cơ hội để có thể sản xuất kinh doanh, tạo ra việc làm, có thu nhập, khi đó sự nghèo đói ở nông thôn mới có thể được đẩy lùi.

1.2.1.2. Vai trò của thị trường đối với sản xuất và đời sống người dân nông thôn

Theo nghĩa hẹp, thị trường là nơi diễn ra quan hệ mua bán hàng hoá. Ví dụ như chợ, siêu thị, cửa hàng... Theo nghĩa rộng, thị trường là tổng thể các mối quan hệ kinh tế - xã hội, nhờ những mối quan hệ đó mà hàng hóa được tiêu thụ, và lao động của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa được thừa nhận.

Thị trường có vai trò quan trọng đối với sản xuất và đời sống. Vai trò đó được thể hiện ở các mặt chủ yếu sau:

Thứ nhất, thị trường có vai trò cung cấp các yếu tố đầu vào cho sản xuất. Thị trường là nơi trao đổi, mua bán hàng hoá giữa người bán và người

mua, các nhà sản xuất có thể tìm được các yếu tố để tiến hành sản xuất như: lao động, nguyên nhiên liệu, máy móc, vốn... trên thị trường. Các thị trường đó được gọi là các thị trường yếu tố sản xuất.

Nguyên liệu đầu vào cho sản xuất nông nghiệp ngày càng có một vai trò sống còn đối với phát triển nông nghiệp Việt Nam bởi lẽ những năm qua sản xuất nông nghiệp càng tăng trưởng nhanh, nhu cầu sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào càng lớn. Ngoài các ngành hàng này, một số nguyên liệu vật tư đầu vào khác như phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật... cũng là nguồn đầu vào quan trọng cho các ngành sản xuất nông sản.

Hiện nay, với tập quán sản xuất quy mô nhỏ, tự cung tự cấp hoặc ở trình độ hàng hoá giản đơn, việc tiếp cận và sử dụng các yếu tố như vốn, công nghệ... vào sản xuất nông nghiệp rất khó khăn. Do vẫn theo phương án sản xuất truyền thống nên giá trị sản phẩm, năng suất các loại cây trồng, vật nuôi còn thấp, thiếu tính cạnh tranh trên thị trường và vì vậy đã đưa họ vào vòng luẩn quẩn của sự nghèo khó. Người nghèo có khả năng tiếp tục nghèo vì họ không thể đầu tư vào nguồn nhân lực của họ, đồng thời nguồn vốn nhân lực thấp lại cản trở họ thoát khỏi nghèo đói. Phần lớn người nghèo sản xuất nông nghiệp, do thiếu vốn nên họ khó có khả năng hướng tới sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Thông thường họ lựa chọn phương án sản xuất tự cung, tự cấp, với các phương thức sản xuất truyền thống với giá trị kinh tế thấp, thiếu cơ hội thực hiện các phương án sản xuất mang lợi nhuận cao. Nếu như được tiếp cận với vốn, nguyên nhiên liệu, máy móc, vật tư nông nghiệp... thì họ sẽ có được cơ hội để tiến hành sản xuất và nâng cao năng suất lao động của mình.

Thứ hai, thị trường là nơi tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho người sản xuất. Thị trường là nơi giúp cho người mua- người bán trao đổi các loại hàng

hóa một cách thuận lợi. Vì vậy, căn cứ vào thông tin về nhu cầu của khách hàng, giá cả các mặt hàng, xu hướng tiêu dùng của khách hàng... mà các nhà sản xuất có thể ra các quyết định về sản xuất cái gì? Sẽ sản xuất cho ai và sản xuất bằng cách nào hợp lý nhất, từ đó giành lợi thế cạnh tranh trên thị trường so với các đối thủ khác. Trong nền kinh tế thị trường, chỉ có những mặt hàng đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của khách hàng mới có thể tồn tại. Nếu như trên thị trường nhu cầu về một mặt hàng nào đó đang giảm hay tăng, thì người sản xuất sẽ căn cứ vào nhu cầu của thị trường để ra quyết định nên tiếp tục sản xuất hay dừng lại, nên mở rộng quy mô sản xuất hay thu hẹp quy mô sản xuất, chuyển sang sản xuất những mặt hàng khác mà thị trường đang có nhu cầu. Hơn nữa, nếu như cùng một loại hàng hóa, thì người bán hàng luôn muốn bán ở những nơi mà hàng hóa đó có giá cả cao, như vậy, thị trường cũng sẽ giúp điều tiết lưu thông hàng hóa, qua đó cũng điều tiết được giá cả của loại hàng hóa đó trên thị trường. Các nhà sản xuất phải năng động, nhạy bén nắm bắt nhu cầu của thị trường, cung cấp những sản phẩm có chất lượng đáp ứng được nhu cầu của đối tượng khách hàng mục tiêu để có thể bán được trên thị trường. Với nền sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, manh mún, nếu sản xuất không chú ý đến nhu cầu của thị trường, nếu vì chạy theo lợi nhuận mà sản xuất ra những mặt hàng kém chất lượng, gây độc hại đến sức khỏe người tiêu dùng thì rõ ràng, không chỉ quyền lợi của người tiêu dùng bị ảnh hưởng mà người sản xuất về lâu dài sẽ bị thiệt, có thể tự triệt tiêu mình do không được thị trường chấp nhận và do đó sẽ bị đào thải. Thị trường không là nơi tạo ra giá trị, nhưng nó là nơi để biến giá trị thành giá cả, đem lại lợi ích, lợi nhuận cho các bên tham gia thị trường.

Tuy có vai trò to lớn như vậy, nhưng thị trường vẫn luôn có những khuyết tật.

Khuyết tật thứ nhất của thị trường là sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Với những người nông dân sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, trình độ canh tác chưa cao, năng suất lao động thấp, sản phẩm đầu ra là các hàng hóa nông sản với mẫu mã đơn giản, chủng loại ít, chất lượng sản phẩm cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng. Những sản phẩm nông nghiệp thì nếu như không có hệ thống bảo quản tốt cũng sẽ rất nhanh hỏng, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Vì thế khi phải cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại do các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất trên quy mô công nghiệp lớn, đại trà thì có giá bán cao hơn so với sản phẩm cùng loại, sức cạnh tranh của các sản phẩm do người nông dân làm ra rất thấp. Hàng hóa làm ra nếu tiêu thụ được ít hoặc không tiêu thụ được thì sẽ lại ảnh hưởng đến việc quay vòng vốn, tái sản xuất của người nông dân, nó như cái vòng luẩn quẩn khiến họ thực sự gặp khó khăn để vươn lên thoát nghèo.

Khuyết tật thứ hai của thị trường đó là sự khủng hoảng. Thị trường theo chu kỳ sẽ có những lúc sẽ rơi vào khủng hoảng, suy thoái. Với tốc độ toàn cầu hóa như hiện nay, thì chu kỳ này của kinh tế thị trường ngày càng ngắn lại, khủng hoảng, suy thoái diễn ra nhanh hơn, mức độ ảnh hưởng của khủng hoảng cũng sâu rộng hơn. Người nông dân, đặc biệt là những người nông dân nghèo, tư liệu sản xuất ít, vốn bé, khi họ gặp phải chu kỳ khủng hoảng, thì việc sản xuất, kinh doanh của họ càng khó khăn gấp bội, khi giá cả các yếu tố sản xuất đầu vào tăng lên, sản phẩm đầu ra của họ chỉ là những nông sản dạng thô, giá trị gia tăng thấp, bị các doanh nghiệp, tư thương ép giá. Thậm chí ngay cả khi ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp rồi, nhưng bản thân doanh nghiệp cũng khó khăn về vốn nên các doanh nghiệp cũng không thể thu mua sản phẩm cho họ được, và như vậy khó khăn chồng chất khó khăn, nhiều hộ chăn nuôi thậm chí đã phá vườn, lấp ao, lấp hồ, vì “để cũng chết mà không để cũng chết”. Ngoài ra, khi nền kinh tế rơi vào khủng hoảng

và suy thoái, sẽ kéo theo hệ lụy sự phá sản của các doanh nghiệp, điều này lại ảnh hưởng đến công ăn việc làm của lao động. Không ít các lao động nông thôn (là lao động chính của gia đình) sau khi rời quê, làm việc cho các doanh nghiệp, nay doanh nghiệp bị phá sản, họ rơi vào tình trạng thất nghiệp, làm cho thu nhập của gia đình lại càng bấp bênh hơn.

Khuyết tật thứ ba của thị trường có ảnh hưởng đến người nông dân, người nghèo nông thôn là phân phối thu nhập không công bằng, vì vậy sự tác động của cơ chế thị trường sẽ dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo, sự phân cực về của cải, tác động đến đời sống ở vùng nông thôn. Khi có sự phân phối thu nhập không cân bằng, thường những người nghèo, những người yếu thế trong xã hội thường sẽ nhận được ít lợi ích hơn, gặp thiệt thòi hơn.

Như vậy, thị trường có vai trò rất tích cực trong việc phân phối, điều tiết sản xuất, làm tăng năng suất lao động của toàn xã hội, góp phần làm cho đời sống xã hội ngày càng tăng lên. Nhưng bên cạnh đó, thị trường cũng có những khuyết tật nội tại của nó, làm tổn hại đến môi trường, xã hội. Vì vậy, Nhà nước cần hạn chế, khắc phục các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, thực hiện công bằng xã hội, trong đó có nội dung Nhà nước cần phải tạo điều kiện hỗ trợ cho người nghèo những điều kiện cơ bản, phát huy vai trò tích cực của thị trường, dựa vào mặt tích cực của thị trường, đưa người dân nghèo và cả những sản phẩm, hàng hóa mà họ làm ra ra thị trường, để từ đó họ dựa vào các tín hiệu trên thị trường, tiến hành sản xuất, kinh doanh để có thể tự xóa đói giảm nghèo cho mình và vươn lên thoát nghèo bền vững.

1.2.2. Nhà nước trong hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường

1.2.2.1. Quan niệm về “tiếp cận thị trường” và “hỗ trợ tiếp cận thị trường”

Nhà nước có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Những chính sách của chính phủ có tác động rất lớn đến tốc độ

tăng trưởng của ngành nông nghiệp. Những chính sách này có tác dụng thông qua các kênh: Kết cấu hạ tầng, công nghệ, sử dụng đất, giá cả theo ngành và môi trường kinh tế vĩ mô... như vậy, thực chất của sự can thiệp của nhà nước vào nông nghiệp, nông thôn là cung cấp dịch vụ, hàng hóa công cộng. Nhà nước cũng có thể có những chính sách, biện pháp khuyến khích quá trình ban đầu, sau đó, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác cũng như thị trường cùng tham gia vào. Từ kết quả đúc kết kinh nghiệm xóa nghèo tại 50 quốc gia, các chuyên gia của Ngân hàng thế giới - World bank (WB) đưa ra khuyến nghị: “XĐGN nhanh ở nông thôn, miền núi bằng cách phân phối thu nhập bình đẳng hơn về vốn và cơ hội thông qua hỗ trợ nghề nghiệp, tăng năng suất lao động và tạo công ăn việc làm”. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc và WB chỉ ra những việc “còn để sót” cần phải làm cho người nghèo ở nông thôn. Đó là tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, nước sạch và vệ sinh, bãi bỏ phí sử dụng các dịch vụ đó.

Bên cạnh việc thực hiện các chương trình trợ cấp cho những hộ thuộc diện đói nghèo bằng hiện vật trực tiếp thì về lâu dài, cần phải tạo cho họ những cơ hội để học nghề và có thể sinh sống được bằng nghề đó. Nhưng tìm nghề cho phù hợp đã khó thì việc kiếm sống bằng nghề còn khó hơn rất nhiều bởi việc học nghề, làm ra sản phẩm và tiêu thụ được sản phẩm không phải là chuyện dễ dàng, nhất là với những người nghèo ở khu vực nông thôn, miền núi còn đang rất “bỡ ngỡ” trước những yếu tố liên quan đến thị trường và KTTT như hàng hóa, nhu cầu thị trường, dung lượng thị trường, giá cả thị trường... như vậy, ngoài dạy nghề hay cung cấp các điều kiện để người nghèo có thể sản xuất, thì điều quan trọng hơn là phải tạo điều kiện cho người nghèo có được những kỹ năng để tiếp cận được với các cơ hội để có thể từ đó nắm bắt cơ hội và thoát nghèo. Hiện nay, Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vì vậy cần phải dựa vào thị trường và coi

nó là đòn bẩy giúp người dân dần thoát nghèo. Ngoài hỗ trợ cho người dân các phương pháp sản xuất, kinh doanh, thì với vai trò là quản lý, nhà nước và chính quyền địa phương các cấp có thể hỗ trợ người dân tiếp cận, gia nhập vào thị trường thông qua việc giải quyết những rào cản đối với người nghèo. Những rào cản đó có thể là do không đủ năng lực về năng lực của bản thân, khó khăn về tiếp cận các nguồn tài chính, khó khăn trong tiếp cận với các ưu đãi trong các chính sách về sản xuất ...

Như vậy, vai trò của Nhà nước không chỉ dừng ở việc hỗ trợ cứu đói, không chỉ dừng lại ở việc cho “con cá”, cho “cần câu” hay bày cách cho người dân nghèo có thể tạo ra cần câu để câu cá, mà quan trọng nhất đó là cải thiện việc làm cho người nghèo thông qua việc hỗ trợ, tạo điều kiện nâng cao trình độ, kỹ năng lao động để họ tham gia vào các loại thị trường như lao động, vốn, đất đai, hàng hóa và dịch vụ... Nhà nước hỗ trợ người nghèo giúp họ phát triển năng lực và nâng cao nhận thức về thị trường bằng các chính sách, cách tiếp cận mới đó là phát triển chuỗi giá trị của các sản phẩm, hợp tác công tư... đưa người nghèo nông thôn vươn lên chủ động trong các hoạt động để họ sản xuất kinh doanh nhằm thoát nghèo.

1.2.2.2. Sự cần thiết phải hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường

XĐGN ở khu vực nông thôn không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, mà nó là cả một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ của riêng một tổ chức, cá nhân nào, và trên hết là sự nỗ lực của những người nông dân nghèo. Như vậy, trong điều kiện nền KTTT hiện nay, nếu như muốn thoát nghèo, vươn lên làm giàu thì một trong những cách thức hiệu quả nhất đó là dựa vào thị trường, bằng cách sản xuất ra những sản phẩm mà thị trường có nhu cầu, sản xuất với chất lượng tốt hơn đối thủ cạnh tranh, giá cả hợp lý... để bán và thu về lợi nhuận. Có thể khẳng định rằng, khi thị trường và nền kinh tế thị trường phát

triển thì nó có thể trở thành một công cụ mạnh mẽ giúp người dân thoát khỏi đói nghèo.

Vậy nhưng, tại các vùng nông thôn hiện nay, người dân, nhất là người nghèo chưa có điều kiện tiếp cận với thị trường, họ đã không thể nắm bắt được những cơ hội thoát nghèo, và vươn tới làm giàu do nền kinh tế thị trường năng động tạo ra. Vì vậy, sự hỗ trợ cho người nghèo tiếp cận thị trường từ phía Nhà nước là việc làm hết sức cần thiết. Điều đó là xuất phát từ các lý do sau:

Một là, người nghèo nông thôn không có hoặc ít có cơ hội tiếp cận thị trường. Mỗi cá nhân đều khác nhau về chất, năng lực trí tuệ, cũng như điều kiện kinh tế, điều kiện gia đình. Trong nền kinh tế thị trường, với sự điều tiết của cơ chế thị trường, tất yếu sẽ có sự phân hóa giàu nghèo do có những người sẽ có được những cơ hội thuận lợi để tiến hành sản xuất kinh doanh và trở nên giàu có, có những người hoặc do thất bại trong làm ăn, hoặc do điều kiện không thể tiến hành sản xuất kinh doanh mà trở nên nghèo hơn so với mặt bằng chung của xã hội... Điều này dẫn đến những cách tiếp cận khác nhau cho các nhà hoạch định chính sách trong việc tiến hành xây dựng và thực hiện các chương trình, chính sách XDGN cho người nghèo. Như vậy, để hỗ trợ những người nghèo, ngoài hỗ trợ trực tiếp bằng vật chất, thì phải tạo cho được tiếp cận với những cơ hội để làm việc, được giao thương trên thị trường để bán những sản phẩm của mình, có như vậy họ mới thoát nghèo bền vững.

Hai là, người nghèo nông thôn chưa nhận thức được cần phải sản xuất cái gì? Sản xuất cho ai? Và sản xuất thế nào? Việc sản xuất những cái mình có mà không căn cứ vào nhu cầu thị trường làm cho việc tiêu thụ sản phẩm đó rất khó khăn. Nhu cầu của thị trường không chỉ về một mặt hàng đó, mà còn về các tiêu chí của sản phẩm. Ngoài tiêu chí về chất lượng sản phẩm là tiêu

chí quan trọng nhất, thì hình thức, quy cách đóng gói, bảo quản sản phẩm, sự thuận lợi trong khi sử dụng đang là những tiêu chí mà khách hàng ngày càng có yêu cầu cao đối với mỗi chủng loại sản phẩm. Thực tế về sản xuất chưa gắn liền với thị trường cho thấy, nó không chỉ thể hiện sự yếu kém trong sản xuất mà nó còn thể hiện sự thiếu quan tâm đến nhu cầu của khách hàng. Nếu như sản xuất mà thiếu và yếu cả hai yếu tố này, thì người sản xuất không thể tồn tại lâu được trên thị trường. Người dân tự ý sản xuất, làm theo phong trào, với quy mô nhỏ, phương thức sản xuất lạc hậu cũng một phần là chưa gắn với thị trường. Nếu như biết căn cứ vào thị trường, họ sẽ biết được nên sản xuất cái gì, sản xuất cho ai, sản xuất bằng cách nào để đáp ứng được yêu cầu của thị trường, khi đó, việc tiêu thụ sản phẩm sẽ thuận lợi hơn rất nhiều.

Ba là, sản xuất của người nghèo mới chỉ dựa vào thói quen, kinh nghiệm chứ chưa biết dựa vào các tín hiệu của thị trường làm căn cứ để sản xuất. Việc thiếu kiến thức, kỹ năng về sản xuất, việc sản xuất còn phụ thuộc vào những cái mình có đã làm cho bà con ở vùng nông thôn luôn sản xuất trong thế thụ động, chỉ cần thấy một vài hộ hay nhóm tập thể làm tốt một mô hình sản xuất nào đó, những người khác lập tức làm theo. Sự làm theo mà không có cải tiến, không có sự sáng tạo đã làm giảm sức cạnh tranh của các loại sản phẩm, của các nhà sản xuất. Điều này cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế sự tiếp cận thị trường của những người sản xuất và sản phẩm của họ.

Bốn là, người nghèo thường thiếu thông tin thị trường. Ở các vùng nông thôn, miền núi, do điều kiện về địa hình, các phương tiện truyền thông vẫn còn hạn chế, nên những người dân ở đây rất khó để có thể tìm hiểu các thông tin về thị trường (các loại hàng hóa, giá cả, nhu cầu của thị trường...). Vì thiếu thông tin như vậy nên những người dân ở đây rất khó để tiến hành tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh. Khi thiếu thông tin về thị trường, có thể họ sẽ bỏ lỡ cơ hội để bán sản phẩm ra thị trường, có thể họ sẽ sản xuất thừa,

hoặc thiếu, cũng có thể họ sản xuất những mặt hàng không đáp ứng được nhu cầu của thị trường, khi đó, tình trạng sản xuất của người dân sẽ càng khó khăn hơn do các nguồn lực đã ít lại không được sử dụng một cách có hiệu quả.

1.2.3. Nội dung của việc Nhà nước hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường

Theo cách thức mà nhà nước thực hiện hỗ trợ cho người nghèo, ta có thể phân loại sự hỗ trợ thành hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ gián tiếp. Theo đó, hỗ trợ trực tiếp là cách hỗ trợ thiên về cho, cấp miễn phí các yếu tố vật chất như tiền, hàng hóa tiêu dùng, nguyên vật liệu, công cụ sản xuất cho các đối tượng được thụ hưởng nhằm giải quyết các vấn đề trước mắt, trong ngắn hạn. Bên cạnh hỗ trợ trực tiếp là hoạt động hỗ trợ gián tiếp của nhà nước, theo đó, hỗ trợ gián tiếp là cách thức mà nhà nước cung cấp các yếu tố cho đối tượng thụ hưởng thông qua các chính sách, chương trình nhằm tạo điều kiện nâng cao năng lực, trình độ dân trí, điều kiện sản xuất ... nếu hỗ trợ trực tiếp để nhằm giải quyết các vấn đề trước mắt, mang tính chất ngắn hạn thì hỗ trợ gián tiếp này là hỗ trợ trong dài hạn và có tác động bền vững hơn.

Để có thể giúp người nghèo thoát được đói, nghèo một cách lâu dài, bền vững thì hỗ trợ trực tiếp là cần thiết nhưng chưa đủ, cần phải có cả những hỗ trợ gián tiếp.

Vậy để giúp người nghèo nông thôn xóa đói giảm nghèo và thoát nghèo một cách bền vững thì hỗ trợ họ tiếp cận thị trường nào? Thị trường là một khái niệm chung, cách phổ biến nhất là phân loại thị trường theo nội dung hàng hóa mà người ta giao dịch. Theo cách này, ở mức tổng quát nhất, các thị trường được chia ra thành thị trường hàng hóa tiêu dùng (thị trường đầu ra) và thị trường các yếu tố sản xuất (thị trường đầu vào). Các thị trường đầu ra lại có thể phân nhỏ thành vô số thị trường cụ thể như thị trường gạo, thị trường quần áo, thị trường ô tô, thị trường giáo dục v.v.. Các thị trường đầu

vào có thể phân thành thị trường vốn hiện vật (máy móc, thiết bị, nhà xưởng v.v...), thị trường đất đai, thị trường lao động v.v... Để hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường, thì điều rõ ràng là phải hỗ trợ họ tiếp cận cả thị trường yếu tố đầu vào và thị trường sản phẩm đầu ra, đặc biệt với những người nghèo nông thôn khi họ còn thiếu và yếu cả về kiến thức, kỹ năng để tiếp cận thị trường thì còn phải hỗ trợ họ nâng cao trình độ dân trí, kỹ năng cơ bản để họ gia nhập các thị trường này. Như vậy, để giúp người nghèo tiếp cận thị trường thì ***các hoạt động hỗ trợ cần phải được thực hiện nhiều nội dung và đồng bộ, trong khuôn khổ luận văn, đề cập đến một số nội dung sau:***

1.2.3.1. Phổ biến kiến thức pháp luật về kinh doanh cho người nghèo

Trong xã hội pháp quyền, mỗi người dân đều phải tuân theo các quy định luật pháp là điều tất yếu. Tuy nhiên, với những người nghèo ở vùng nông thôn, do điều kiện về tri thức bị hạn hẹp, điều kiện tiếp xúc với các phương tiện truyền thông cũng bị hạn chế, nên những hiểu biết về pháp luật của họ vừa rất thiếu lại vừa yếu, việc vận dụng pháp luật để giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, để thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với xã hội là rất khó khăn. Vì vậy, các nội dung quan trọng trong hỗ trợ pháp lý cho người nghèo vùng nông thôn là tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hỗ trợ bà con giải đáp các vướng mắc về pháp luật trong quá trình thực thi. Thực tế, nhiều người dân hiện nay còn rất mơ hồ về các quy định, luật pháp trong nhiều lĩnh vực. Bên cạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật giúp người dân hiểu và giải quyết các vướng mắc mà họ đang vướng phải, giúp họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng, thì việc phổ biến các thông tin về luật pháp, các chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng sẽ giúp cho bà con hiểu rõ, tin tưởng và thực hiện đúng các chủ trương đó. Đồng thời, khi hiểu và nắm bắt pháp luật, các thông tin chính sách, quy định, cũng giúp cho bà con khi tiến hành sản xuất kinh

doanh cũng sẽ làm đúng, tránh làm sai, vi phạm các điều mà luật pháp quy định không được làm.

Trợ giúp pháp lý miễn phí cho những hộ nghèo có nhu cầu về các lĩnh vực: đất đai, nhà ở, thừa kế, hộ khẩu, hộ tịch, hôn nhân gia đình và các chế độ chính sách của nhà nước đối với hộ nghèo, người nghèo. Trong nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc hỗ trợ pháp lý cho người nghèo vùng nông thôn còn phải chú trọng các nội dung: giúp bà con hiểu được các quy tắc, quy định về hàng hóa và trao đổi hàng hóa trên thị trường, để nâng cao nhận thức của họ trong quá trình tiến hành sản xuất không vi phạm vào các điều cấm, các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường ... trong sản phẩm.

Ngoài ra, trợ giúp pháp lý còn bao gồm nội dung hỗ trợ tư vấn cho người dân trong việc ký các hợp đồng sản xuất, hợp đồng tiêu thụ để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người dân, tránh bị thua thiệt, qua đó cũng góp phần nâng cao ý thức của người nghèo trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.2.3.2. Tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận với thị trường vốn và khoa học - công nghệ

Thị trường vốn là một bộ phận của thị trường tài chính. Thị trường vốn gồm các thị trường: thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu và thị trường tín dụng trung và dài hạn. Tham gia thị tài chính gồm có Ngân hàng Trung ương, Kho bạc Nhà nước, các định chế tài chính, các nhà môi giới tiền tệ, chứng khoán, các doanh nghiệp và cá nhân. Các sản phẩm của thị trường vốn bao gồm cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty, khế ước thế chấp và tín dụng trung, dài hạn của ngân hàng.

Với nguồn lực hạn chế của người nghèo, thì vốn đóng vai trò quan trọng để giúp họ tiến hành khởi động sản xuất kinh doanh. Hiện nay, nguồn vốn cấp

cho người nghèo chủ yếu qua các kênh như: ngân hàng chính sách, quỹ tín dụng, các tổ vay vốn ở địa phương ... Tuy nhiên, nguồn vốn cho các hộ nghèo vay còn nhỏ, thời gian cho vay ngắn, nên chỉ phù hợp với sản xuất nhỏ, chăn nuôi ở quy mô vừa phải, những loại cây, con ngắn ngày. Vì chỉ đầu tư vào sản xuất nhỏ nên hiệu quả kinh tế mang lại cũng không cao. Những quy định như hiện nay đang không phù hợp cho những đối tượng muốn mở rộng điều kiện sản xuất kinh doanh có quy mô lớn, thời gian thu hồi vốn lâu (chăn nuôi đại gia súc, trang trại ...). Thực tế cho thấy, với đặc thù của ngành nông nghiệp là sự phụ thuộc và tự nhiên, thời tiết nên mức độ rủi ro cao, người nghèo cũng không có gì để thế chấp nếu như muốn đi vay ở các tổ chức tín dụng khác, việc tiếp cận về vốn đối với người nghèo là việc rất khó khăn. Trong khi đó, các tổ chức tín dụng cũng phải huy động vốn ở mức lãi suất khá cao, đầu tư vào nông nghiệp thì thường gặp rủi ro ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn, do đó các tổ chức tín dụng cũng không đáp ứng nhu cầu và cũng rất ngại khi cho người nghèo vay.

Khoa học – công nghệ là một yếu tố đầu vào không thể thiếu trong sản xuất nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng. Thị trường khoa học & công nghệ (TTKH&CN) được hiểu là tổng hòa các mối quan hệ mua bán, trao đổi, môi giới, giám định, khiếu kiện giữa các bên giao dịch. Hay nói cách khác TTKH&CN là phương thức thương mại hóa các thành quả KH&CN, thúc đẩy gắn kết KH&CN với sản xuất.

Trong nông nghiệp, nếu chỉ canh tác theo phương pháp truyền thống, hiệu quả và năng suất lao động sẽ không cao. Nông nghiệp là một ngành chịu ảnh hưởng rất nhiều của điều kiện tự nhiên, thời tiết. Vì vậy, chỉ cần một biến động nhỏ thôi cũng có thể phá hủy công sức, tiền của mà bà con nông dân bỏ ra. Với những hộ nghèo ở nông thôn, nếu như bị mất mùa, năng suất giảm sút thì đời sống sẽ càng khó khăn hơn nữa. Việc hỗ trợ về khoa học kỹ thuật có

những nội dung như: tập huấn về kỹ thuật nuôi, trồng, bảo quản nông sản, kỹ thuật của các nghề thủ công, các nghề phi nông nghiệp cho những vùng không có điều kiện về đất đai, làm nông nghiệp, triển khai ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp... Việc hỗ trợ này càng sát thực với điều kiện của địa phương thì hiệu quả sẽ càng cao. Hiện nay, tiêu chuẩn đầu ra về chất lượng của sản phẩm nông nghiệp ngày càng cao, do đó, trong hỗ trợ về khoa học kỹ thuật cho người nghèo nông thôn, nên và cần phải phổ biến, áp dụng các kỹ thuật nuôi trồng, bảo quản sạch, theo đúng tiêu chuẩn, dần tiến thêm một bước nữa là tiến hành chế biến nông sản thành những loại thành phẩm khác nhau để bán ra thị trường. Chỉ khi có chế biến thì người nghèo mới có thể nâng cao được giá trị sản phẩm mình làm ra, từ đó thu về lợi nhuận. Ngoài ra, việc hỗ trợ kỹ thuật nên chú trọng vào nội dung cải tạo các yếu tố sản xuất như: cải tạo đất, cải tạo giống, nghiên cứu và triển khai giống mới để có thể chống lại được sự biến đổi của thời tiết, dịch bệnh...

1.2.3.3. Cung cấp thông tin thị trường cho người nghèo

Thông tin về thị trường, các loại hàng hóa, các doanh nghiệp trên thị trường là tín hiệu rất quan trọng đối với không chỉ người mua, người bán mà còn rất quan trọng đối với người sản xuất. Căn cứ vào thông tin về những biến động của thị trường, nhà sản xuất sẽ có thể ra quyết định chính xác hơn về số lượng hàng hóa sẽ sản xuất, mặt hàng sẽ sản xuất và các quyết định liên quan về mẫu mã, hình thức của sản phẩm...

Hiện nay nhiều hộ nông dân, nhiều vùng nông thôn vẫn sản xuất, kinh doanh theo kiểu chỉ làm ra những thứ mình có để đem đi bán mà không phải là bán những thứ mà thị trường có nhu cầu, hoặc, cũng bán những mặt hàng đó, nhưng chất lượng, mẫu mã không theo kịp thị hiếu của thị trường. Cả hai điều này đều dẫn đến kết quả là những sản phẩm mà họ làm ra rất khó bán

được trên thị trường, do đó, nghèo khó vẫn hoàn nghèo khó. Có những hộ sản xuất thì chỉ vì chạy theo lợi nhuận trước mắt mà sản xuất mặt hàng kém chất lượng, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, như vậy không chỉ sản phẩm của họ bị từ chối trên thị trường mà cả hộ sản xuất đó cũng sẽ bị thị trường “loại bỏ”.

Còn một tồn tại bấy lâu nay nữa là tư duy của người nông dân vẫn chưa thay đổi, vẫn làm theo kiểu manh mún, tự phát do đó khả năng rủi ro dẫn đến mất trắng vốn. Thậm chí đó còn là nguy cơ làm phá vỡ cơ cấu ngành nghề ở nông thôn. Thị trường là cạnh tranh, muốn cạnh tranh, người nông dân bên cạnh các nguồn lực cần phải có kiến thức. Bên cạnh kiến thức về nuôi trồng, sản xuất, cần phải có kiến thức về quản lý. Đòi hỏi khắc nghiệt từ thương trường buộc những người nông dân ngày nay phải chuyển từ tư duy sản xuất những cái mình có sang tư duy làm ra những mặt hàng có giá trị cao với chất lượng đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Cung cấp thông tin về thị trường bao gồm các nội dung: dự báo về xu hướng của thị trường, thông tin về các chủng loại mặt hàng, giá cả của các mặt hàng, nhu cầu của thị trường về sản lượng... Căn cứ vào các thông tin về thị trường, sẽ giúp người nghèo có được những định hướng, ý tưởng trong sản xuất, sử dụng các yếu tố sản xuất một cách hợp lý, tránh lãng phí các nguồn lực của mình. Khi có đầy đủ về thông tin, chính quyền nên hỗ trợ người nghèo thành lập những tổ, nhóm nghề. Nếu hoạt động có tổ chức và thành một hệ thống có tính liên kết thì vốn, mặt bằng sản xuất, lao động sẽ được phát huy dựa vào lợi thế nhờ quy mô, hiệu quả và năng suất lao động sẽ được tăng lên.

1.2.3.4. Định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ đào tạo

Để giúp người nghèo thoát nghèo, hỗ trợ đào tạo nghề là việc rất quan trọng. Từ lâu nay, người nghèo, xã nghèo thường được hỗ trợ về xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ về tư liệu sản xuất, hỗ trợ bằng hiện vật trực tiếp... nhưng những hỗ trợ đó thường sẽ không hiệu quả nếu như người nghèo thiếu đi kỹ năng lao động. Nếu có kỹ năng lao động, những người nghèo có thể vận dụng những hỗ trợ đó để tiến hành sản xuất, trước hết là để phục vụ nhu cầu của gia đình họ, sau đó có thể phát triển dần lên, tiến hành trao đổi mua bán những sản phẩm mình làm ra để thoát nghèo. Trước hết, việc hỗ trợ đào tạo nghề sẽ giúp cho họ có được những kỹ năng lao động cần thiết để có thể gia nhập vào thị trường lao động, tìm được việc làm và tạo thu nhập. Việc đào tạo nghề cũng giúp cho bà con học được những nghề phù hợp với điều kiện cụ thể của mình, giúp bà con phát huy được những nguồn lực ngay tại địa phương để có thể sản xuất kinh doanh, bán những sản phẩm mà mình làm ra, tăng thu nhập cho gia đình, vươn lên thoát nghèo.

Nội dung hỗ trợ định hướng nghề và đào tạo nghề cần phải đảm bảo các yếu tố: phù hợp với điều kiện về năng lực trí tuệ, thể chất của những người thuộc diện theo học; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đáp ứng được nhu cầu của người học; chương trình học phải đảm bảo cập nhật, dễ triển khai trên thực tế, quan trọng hơn, đó là những nghề có thể giúp người nghèo đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, là những nghề làm ra những sản phẩm mà thị trường có nhu cầu.

Như vậy, nông nghiệp là ngành có rủi ro cao, mức sinh lợi thấp nên ít hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, nhưng nông nghiệp lại có vai trò rất quan trọng, không thể thiếu đối với xã hội. Mặt khác, trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với cơ chế cạnh tranh quyết liệt, người nông dân phải chịu không ít sự cạnh tranh, thiệt thòi do cơ chế thị trường tác động. Việt Nam tuy là nước

đứng thứ 2 về xuất khẩu gạo, nhưng hàng năm, vẫn có đơn xin cứu đói từ các tỉnh, người nông dân phải ly nông, ly hương và chịu cảnh ly tán. Trong bối cảnh chung đó, để người nông dân nghèo có thể làm giàu từ mảnh đất quê hương mà không phải ly hương, ly tán thì điều kiện cần thiết là phải tạo cho họ được tiếp cận với các cơ hội để thoát nghèo, chỉ khi họ được chuẩn bị các kiến thức, kỹ năng, nhận thức đầy đủ thì khi các hội đến, họ mới chủ động biến cơ hội thành những hoạt động cụ thể để thoát nghèo bền vững.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp luận

Chủ nghĩa duy vật biện chứng: *Phương pháp duy vật biện chứng* được sử dụng để đánh giá hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường với mục tiêu XDGN cho họ trên cơ sở nhìn nhận, xem xét các vấn đề trong mối quan hệ hữu cơ gắn bó và ràng buộc lẫn nhau trong quá trình tồn tại và phát triển. Đề tài sử dụng phương pháp này nhằm để nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường với mục tiêu XDGN cho người nghèo vùng nông thôn.

Phương pháp duy vật lịch sử được sử dụng khi xem xét, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu cũng như tìm đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường. Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường phải được đặt trong mối quan hệ với các vấn đề khác, đồng thời phải được nhìn nhận, đánh giá trên quan điểm lịch sử cụ thể. Đề tài dùng phương pháp này để nghiên cứu các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường, bao gồm một số hoạt động hỗ trợ về xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường và phát triển thị trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, từ đó đưa ra các giải pháp, khuyến nghị cụ thể, phù hợp với điều kiện của địa phương để nâng cao hơn nữa hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ này.

2.2. Phương pháp cụ thể

Để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu phổ biến, như: tiếp cận thông tin định tính và định lượng; phương pháp thống kê - so sánh, phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp logic – lịch sử ...

- Phương pháp thống kê – so sánh: Phương pháp thống kê – so sánh được sử dụng phổ biến trong chương 3. Các số liệu được thống kê từ các báo cáo của sở Nông nghiệp phát triển nông thôn Nghệ An, Sở KH Đầu tư Nghệ An, của UBND tỉnh Nghệ An... đã được thống kê nhằm cung cấp tư liệu cho việc đánh giá kết quả xóa đói giảm nghèo; phân tích, so sánh trong các nội dung phân tích kết quả các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường.

Với những tài liệu được thống kê, luận văn sử dụng phương pháp so sánh để phân tích tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường trong thời gian qua... Ở chương 3, tác giả đã dùng phương pháp này để so sánh kết quả của các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường theo thời gian để khẳng định các vấn đề ưu tiên giải quyết, tính hiệu quả của các giải pháp trong việc thực thi các chính sách, giải pháp cụ thể của địa phương.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng trong toàn bộ luận văn. Với mục đích phân tích và đánh giá kết quả xóa đói giảm nghèo; phân tích kết quả các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường. Từ các thông tin được thu thập, tiến hành phân tích các nội dung và đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường trong thời gian qua.

- Phương pháp tiếp cận thông tin định tính và định lượng . Tác giả thu thập số liệu từ các tài liệu tham khảo. Phương pháp này dựa trên nguồn thông tin thu thập được từ những tài liệu tham khảo có sẵn. Trong đề tài, tác giả chủ yếu sử dụng các số liệu từ các khảo sát đã thực hiện, và thu thập các số liệu từ các báo cáo của UBND tỉnh Nghệ An , các Sở, ngành có liên quan đến công tác XDGN để làm rõ thực trạng các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn

Nghệ An tiếp cận thị trường trong giai đoạn 2006 – 2013. Bên cạnh tiếp cận thu thập các số liệu, tác giả cũng tiếp cận với những thông tin định tính nhằm có được những đánh giá tổng quát về các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường trong thời gian qua.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu. Để thực hiện luận văn, tác giả có sử dụng các tài liệu để tổng hợp các kết quả đã đạt được, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc kết quả các công trình nghiên cứu đã công bố, hệ thống hóa lại cho phù hợp với nội dung của đề tài. Như:

+ Các nghiên cứu của các tác giả về tình trạng đói nghèo và công tác XDGN.

+ Nghiên cứu tài liệu, các văn bản, phân tích các báo cáo của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan đến công tác XDGN của tỉnh Nghệ An, của UBND các huyện về sơ kết chương trình XDGN.

+ Tổng hợp các số liệu báo cáo và tình hình thực tế qua khảo sát

+ Đánh giá thực trạng hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường.

Qua việc nghiên cứu tài liệu, tác giả thu thập được các thông tin về: Cơ sở lý thuyết liên quan đến hoạt động XDGN. Vai trò của thị trường, vai trò của nhà nước trong việc cải thiện tình trạng đói nghèo cho người dân nông thôn và việc cần thiết phải hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường để XDGN. Các số liệu thống kê liên quan đến hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn Nghệ An tiếp cận thị trường trong giai đoạn 2006 – 2013.

- Phương pháp logic – lịch sử: Đói nghèo là hiện tượng xã hội, và nó có nguyên nhân của nó, đồng thời qua từng giai đoạn phát triển kinh tế – xã hội thì hiện tượng đói nghèo cũng có những thay đổi. Và theo thời gian, hoạt động hỗ trợ người nghèo nhằm giúp họ XDGN cũng có sự thay đổi. Đối tượng nghiên cứu cụ thể của luận văn là hoạt động hỗ trợ người nghèo nông

thôn Nghệ An tiếp cận thị trường , tác giả vận dụng phương pháp này để nhìn thấy sự diễn biến của đối tượng nghiên cứu; sự xuất hiện quá trình diễn biến, phát triển và kết thúc sự kiện. Từ đó có đánh giá về tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường, và đề ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả của các hoạt động này trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO NÔNG THÔN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG Ở TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2006-2013

3.1. Đôi nét về tỉnh Nghệ An

3.1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Nghệ An nằm ở trung tâm khu vực Bắc Trung Bộ. Với diện tích 16.490,25 km², lớn nhất cả nước; giáp tỉnh Thanh Hóa ở phía Bắc, tỉnh Hà Tĩnh ở phía Nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ở phía Tây với 419 km đường biên giới trên bộ; bờ biển ở phía Đông dài 82 km. Vị trí này tạo cho Nghệ An có vai trò quan trọng trong mối giao lưu kinh tế - xã hội Bắc - Nam, xây dựng và phát triển kinh tế biển, kinh tế đối ngoại và mở rộng hợp tác quốc tế. Nghệ An nằm trong hành lang kinh tế Đông - Tây nối liền Myanmar - Thái Lan - Lào - Việt Nam - Biển Đông theo đường 7 đến cảng Cửa Lò. Nằm trên các tuyến du lịch quốc gia và quốc tế (tuyến du lịch xuyên Việt; tuyến du lịch Vinh - Cánh đồng Chum - Luôngprabang - Viêng Chăn - Băng Cốc và ngược lại qua Quốc lộ 7 và đường 8). Với vị trí như vậy, Nghệ An đóng vai trò quan trọng trong giao lưu kinh tế, thương mại, du lịch, vận chuyển hàng hoá với cả nước và các nước khác trong khu vực, nhất là các nước Lào, Thái Lan và Trung Quốc, là điều kiện thuận lợi để kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Nghệ An có đầy đủ các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa; điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng như một Việt Nam thu nhỏ... Nghệ An có nhiều tiềm năng và lợi thế để thu hút đầu tư và ngày càng có nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh tại Nghệ An.

3.1.2. Dân số và nguồn nhân lực

Theo số liệu của Cục Thống kê Nghệ An, đến tháng 9/2013, dân số Nghệ An hơn 2,9 triệu người, đứng thứ tư cả nước.

Bảng 3.1. Nguồn nhân lực Nghệ An tính đến tháng 9/2013

TT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ %
1	Tổng số dân	2.942.875	100
1.1	Phân bố:		
	- Thành thị	392.241	13,33
	- Nông thôn	2.550.634	86,67
1.2	Cơ cấu giới tính:		
	- Nam	1.460.629	50,37
	- Nữ	1.482.246	49,63
2	Mật độ dân số (người/km ²)	178	
3	Tỷ lệ tăng tự nhiên (%/năm)		11,53
4	Tỷ lệ người biết chữ (%)		97
5	Lực lượng lao động	1.682.134	100
	- Tổng số:	824.537	49
	+ Nam	857.597	51
	+ Nữ		

Nguồn : Nghean.gov.vn

Qua cơ cấu dân số của Nghệ An cho thấy, dân số của tỉnh Nghệ An vẫn còn tập trung ở vùng nông thôn với tỉ lệ rất cao. Tuy nhiên, về cơ cấu dân số theo giới tính và tỉ lệ lao động theo giới tính không quá chênh lệch.

3.1.3. Tình hình phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An năm 2013

Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Nghệ An trong năm 2013, tỉnh Nghệ An đã hoàn thành tốt 20/25 chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GDP) đạt khoảng 7,0%/ Kế hoạch 7-8% (cùng kỳ năm 2012 đạt 6,13%);

trong đó, nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,14%; công nghiệp – xây dựng tăng 5,34% (riêng công nghiệp tăng 8,28%); dịch vụ tăng 10,2%. Giá cả ổn định hơn, chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 tăng 4,92% so với tháng 12/2012. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 23,57 triệu đồng (năm 2012 là 21,22 triệu đồng).

Về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và thủy sản: Mặc dù sản xuất nông nghiệp gặp điều kiện thời tiết không thuận lợi nhưng tổng sản lượng lương thực cả năm ước đạt 1.178.614 tấn, tăng 0,6% cùng kỳ. Các loại cây công nghiệp hàng năm được tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và phát triển khá. Tổng diện tích cây lâu năm ước đạt 38.422 ha, tăng 5,8% cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 201.196 tấn, tăng 2,9% cùng kỳ. Các địa phương bao vây, dập dịch, kiểm soát chặt chẽ đàn gia súc, gia cầm và các sản phẩm liên quan đến lưu thông trên địa bàn. Diện tích trồng rừng tập trung, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng tăng so với cùng kỳ. Tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản ước đạt 126.766 tấn, tăng 8,9% so với cùng kỳ. Chỉ đạo các địa phương, đơn vị tập trung hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2013. Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn. Đến tháng 11/2014, trên địa bàn tỉnh đã có 08 xã được công nhận xã đạt các tiêu chí nông thôn mới, theo đánh giá của Văn phòng điều phối ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh với tiến độ thực hiện như hiện nay thì đến cuối năm 2014, toàn tỉnh sẽ có 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Về sản xuất công nghiệp – xây dựng : Năm 2013, tình hình sản xuất công nghiệp trong tỉnh tiếp tục gặp nhiều khó khăn: giá nhiên liệu (điện, xăng) tăng cao, chủ trương chính sách đối với ngành khai khoáng, giá thiếc thị trường thế giới xuống thấp,... Tuy vậy, một số sản phẩm có tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh như bia, điện sản xuất, sữa tươi vẫn tăng khá. Năng lực mới tăng của ngành công nghiệp có khởi sắc từ các dự án bắt đầu hoàn thành và đi vào hoạt động như: Thủy điện Hòa Na), thủy điện

Khe Bó, nhà máy may Hanosimex, nhà máy may MLB Tenenergy, Nhà máy sữa tươi sạch TH, nhà máy nhựa Tiền Phong, ... Một số sản phẩm của năm 2013 có mức tăng so với cùng kỳ đó là: đường tinh luyện (tăng 29,3%), sợi (tăng 27,84%), bia chai (tăng 15,56%), bia lon (tăng 4,42%), điện sản xuất (tăng 89,93%), điện thương phẩm (tăng 5,12%), nước máy (tăng 11,43%), sản phẩm nhựa (tăng 111,85%),... Tuy vậy, sản xuất công nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, dẫn đến tồn kho tăng cao, nhiều sản phẩm chủ lực tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ.

Khu vực dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ cả năm ước đạt 47.158,5 tỷ đồng, tăng 19,32% so với năm 2012. Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 460 triệu USD đạt kế hoạch; trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 344,369 triệu USD. Giá trị nhập khẩu ước 197,1 triệu USD. Lĩnh vực du lịch, vận tải, thông tin truyền thông tăng trưởng khá. Doanh thu các dịch vụ du lịch ước đạt 1.899,96 tỷ đồng, tăng 15% so cùng kỳ; doanh thu ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin ước đạt 3.190,64 tỷ đồng; doanh thu vận tải hàng hoá và hành khách ước đạt 5.723,54 tỷ đồng, tăng 20,8% cùng kỳ. Lĩnh vực tài chính ngân hàng: Đến 31/12/2013, nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đạt 56.505 tỷ đồng, tăng 28% so với đầu năm; tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đạt 94.950 tỷ đồng, tăng 22,8% so với đầu năm; trong đó, dư nợ ngắn hạn chiếm 51,5%, dư nợ cho vay trung và dài hạn chiếm 48,5%. Nợ xấu tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước 1.230 tỷ đồng, chiếm 1,3% trong tổng dư nợ.

3.2. Các hoạt động hỗ trợ người dân nông thôn tiếp cận thị trường ở Nghệ An giai đoạn 2006- 2013

3.2.1. Hỗ trợ pháp lý cho người nghèo

Luật Trợ giúp pháp lý (2006) quy định "Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của

minh, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật’

Với mục tiêu đưa hoạt động trợ giúp pháp lý (TGPL) đến với tất cả người dân, Sở Tư pháp đã, đang tập trung thực hiện nhiều hình thức để vừa hỗ trợ kiến thức pháp lý cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, vừa TGPL cho cả người dân có thu nhập thấp ở thành, thị... Xuất phát từ nhận thức này, trong những năm gần đây, ngành Tư pháp của tỉnh đã tăng cường các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí đảm bảo cho Trung tâm TGPL tỉnh tổ chức tốt hoạt động trợ giúp pháp lưu động trên địa bàn. Đồng thời vận động cán bộ có kiến thức luật của các ngành cấp tỉnh; trang bị kiến thức cho đội ngũ cán bộ tư pháp cấp xã để thực hiện nhiệm vụ tư vấn pháp luật ngay tại cơ sở...

Ngoài hình thức TGPL trực tiếp của Trung tâm TGPL tỉnh và các đơn vị trực thuộc Sở, từ năm 2009 đến nay, Sở Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật theo hình thức: Phỏng vấn chuyên gia phân tích, nói chuyện về các luật chuyên ngành; đăng tải bài viết dạng hỏi đáp pháp luật về một số lĩnh vực tác động trực tiếp, thường xuyên đến đời sống xã hội (đất đai, hộ khẩu; đấu giá...); in cấp tờ rơi về nhiều lĩnh vực pháp lý...

Theo báo cáo công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2014, Sở Tư pháp cùng các đơn vị liên quan đã tổ chức công tác tư vấn pháp lý trong lĩnh vực đất đai, nuôi cá đầm ... cho bà con nông dân ở các huyện.

Về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL): Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) tỉnh đã ban hành kế hoạch số 78/QĐ-UBND ngày 28/2/2014, trong đó bao gồm kế hoạch thực hiện các đề án, chương trình của Trung ương

và tỉnh như Đề án PBGDPL cho cán bộ , đồng bào dân tộc miền núi ; Đề án PBGDPL cho thanh thiếu niên ; Đề án tuyên truyền pháp luật về phòng chống tham nhũng ...

Về công tác TGPL , UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 về kế hoạch trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2014, Trung tâm TGPL thuộc Sở Tư pháp đã thụ lý 958 vụ việc; tổ chức 26 đợt TGPL lưu động về tận thôn , xóm, bản tại các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn , Diễn Châu , Quỳnh Lưu , Quỳnh Hợp , Quê Phong, Tương Dương và Kỳ Sơn; tuyên truyền pháp luật cho hàng ngàn lượt người và TGPL cá biệt cho 594 trường hợp. So với cùng kỳ năm 2013, tuy số vụ việc TGPL có giảm, nhưng đạt chỉ tiêu đề ra , số đợt lưu động tăng 18 đợt; chất lượng TGPL đảm bảo , vụ việc đã hoàn thành được thẩm định chặt chẽ và thanh quyết toán kịp thời . Công tác phối hợp TGPL tiếp tục được tăng cường , nhất là trong hoạt động tố tụng . Trung tâm TGPL đã chủ động phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ; kế hoạch về phối hợp hoạt động TGPL giữa Trung tâm TGPL và Hội Cựu chiến binh tỉnh. Ký kết hợp đồng tư vấn qua tổng đài 1080 với Trung tâm Viễn thông thành phố Vinh để tư vấn pháp luật cho mọi người dân có nhu cầu.

Trong thời gian tới, Sở Tư pháp sẽ tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng và hiệu quả các vụ việc TGPL . Tăng cường số lượng , chất lượng. Thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền, bảo đảm trật tự , kỷ cương và lợi ích hợp pháp của các đối tượng được trợ giúp. Tránh làm tăng khiếu kiện không đúng pháp lý. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động TGPL tại văn phòng trung tâm và các chi nhánh, đặc biệt là các hoạt động xác minh , kiến nghị, hòa giải, tham gia tố tụng. Tăng số lượng, nâng cao chất lượng . Phối hợp các ngành liên quan để TGPL cá biệt cho các công dân . Tổ chức TGPL lưu động tại các huyện. Xây

dựng chương trình phối hợp với Hội Nông dân để thực hiện trợ giúp pháp lý cho hội viên Hội Nông dân. Xây dựng chương trình phối hợp với Bộ đội biên phòng tỉnh để xây dựng chương trình phối hợp thực hiện TGPL cho đồng bào dân tộc miền núi, vùng biên giới Việt Lào.

Qua các hình thức TGPL này, không chỉ người nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa mà tất cả các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh đều có cơ hội được tư vấn pháp lý miễn phí, góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về các chính sách và pháp luật, kịp thời hỗ trợ kiến thức pháp luật cho người dân trong từng sự việc cụ thể một cách kịp thời.

3.2.2. Hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo

Mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn chất lượng, đến nay toàn tỉnh có 62 cơ sở đào tạo nghề. Giai đoạn 2006- 2010 đã tổ chức dạy nghề cho 138.426 lao động nông thôn và các đối tượng đặc thù; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề toàn tỉnh từ 16,5% đầu năm 2006 lên 33% năm 2010. Việc dạy nghề cho lao động nói chung và lao động nghèo nói riêng đã thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho họ tham gia vào thị trường lao động, để tìm và tự tạo được việc làm; gần 57% số lao động nghèo sau khi học xong đã có việc làm mới với mức thu nhập bình quân 1,2 triệu đồng/người/tháng, góp phần thoát nghèo. Thực hiện tổ chức tập huấn, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2011: đào tạo nghề mây tre đan 3 lớp, kinh phí 145.260.000 đồng, đào tạo nghề dệt thổ cẩm 3 lớp, kinh phí 100.500.000 đồng, tập huấn mây tre đan 3 lớp, kinh phí 49.950.000 đồng, tập huấn nâng cao tay nghề dệt thổ cẩm 4 lớp, dâu tằm tơ 2 lớp, tổng kinh phí 97.200.000 đồng.

Trong năm 2011, toàn tỉnh đã tổ chức được 266 lớp dạy nghề cho 7.980 lao động, với kinh phí 12 tỷ đồng, đạt 30% so với nhu cầu. Trong đó:

- Mở các lớp đào tạo nghề nông nghiệp như: Trồng rau an toàn, sản xuất nấm, trồng chè, mía, cam, chăn nuôi lợn, gà, trâu bò, sản xuất giống lâm nghiệp là: 166 lớp, với 4.980 người tham gia.

- Đào tạo các nghề phi nông nghiệp như: cơ khí, may công nghiệp, mây tre đan xuất khẩu ... là: 100 lớp với 3.000 người tham gia. Phần lớn số lao động nông nghiệp được qua đào tạo đã chuyển sang nghề khác có hiệu quả hơn hoặc phục vụ cho các cụm, khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh, góp phần giảm tỷ trọng lao động trong nông nghiệp, thực hiện tiêu chí 12 về cơ cấu lao động.

- Công tác khuyến nông, lâm, ngư được quan tâm. Trong 5 năm đã tổ chức 164 lớp tập huấn, hội nghị đầu bờ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, hướng dẫn cách làm ăn... với 11.950 lượt người nghèo tham gia, triển khai xây dựng 35 mô hình trình diễn, chuyển giao kỹ thuật tại các địa phương. Kinh phí thực hiện là 6.600 triệu đồng. Tham gia các khóa học, người dân thực sự có được cơ hội học hỏi nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ thuật về những ngành nghề chủ yếu trong nông nghiệp và dịch vụ. Các chương trình này cung cấp cả những dịch vụ hỗ trợ một phần học phí cho người dân theo điều kiện của địa phương, hỗ trợ giống, hỗ trợ cơ sở hạ tầng cũng như thực hiện cho vay vốn. Ngoài ra, việc giới thiệu và tạo việc làm sau đào tạo tập huấn cũng đã bước đầu được tiến hành. Một bộ phận người dân tham gia chương trình này trình độ đã được nâng lên, thay đổi nhận thức và cách thức tiếp cận cũng như phát triển hoạt động sản xuất, từ đó thu nhập đã được tăng cao hơn so với trước đó.

Như vậy, tính đến 2013, hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tỉnh Nghệ An đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo được chuyển biến mạnh mẽ về đào tạo nghề. Huy động được 46 cơ sở tham gia dạy nghề cho

lao động nông thôn; Đầu tư 101,3 tỷ đồng để tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị dạy nghề cho 24 cơ sở dạy nghề công lập; Có 20.645 lao động nông thôn được đào tạo và cấp chứng chỉ nghề, trong đó có 11.403 lao động nữ; 14.773 lao động nông thôn có việc làm sau học nghề đạt tỷ lệ 71,6%; Đào tạo, bồi dưỡng cho 10.100 cán bộ công chức cấp xã. Hoàn thành tổ chức thí điểm các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn; Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của tỉnh từ 30% năm 2009 lên 40% năm 2012, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động công nghiệp – xây dựng, dịch vụ. Mục tiêu đến 2015, tỉnh đề ra các chỉ tiêu: Dạy nghề cho 41.000 lao động nông thôn, trong đó nghề phi nông nghiệp 22.140 người, nghề nông nghiệp 18.860 người. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề là 75%. Đào tạo bồi dưỡng cho 19.500 cán bộ công chức cấp xã. Riêng năm 2013, phấn đấu hoàn thành dạy nghề cho 9.549 lao động nông thôn, đào tạo bồi dưỡng cho 6.000 cán bộ công chức cấp xã, tỷ lệ có việc làm sau đào tạo tối thiểu đạt 70 – 75%.

Nhưng việc thực hiện chương trình đào tạo nghề chưa thực sự đạt được hiệu quả sâu rộng cho dù chính sách về cơ bản là tốt. Một số tồn tại tập trung vào các vấn đề chính như:

- Việc triển khai công tác dạy nghề một số nơi còn chậm, chưa đồng bộ, một số nghề chưa phù hợp với đặc điểm của từng vùng, chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch nông thôn mới, nhất là quy hoạch sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

- Các ngành nghề đào tạo, các lớp tập huấn hiện đang triển khai dàn trải, ở tất cả các địa phương đều được tập huấn những nội dung giống nhau (Mây tre đan, Trồng nấm, Trồng rau sạch, Cơ khí...). Điều này sẽ dẫn đến việc sản xuất đồng loạt và dư thừa sản phẩm nếu tất cả các địa phương đều áp dụng

nội dung tập huấn vào thực tiễn, hoặc có thể học xong không áp dụng được do không phù hợp với đặc điểm địa phương.

- Việc lựa chọn ngành nghề đào tạo, nội dung tập huấn chưa chú trọng công tác khảo sát nhu cầu đào tạo của người dân và chưa gắn với các ngành nghề truyền thống tại địa phương do đó chưa thu hút được sự quan tâm và tham gia của người dân. Vẫn còn hiện tượng “cả làng đi học một nghề, một người đi học nhiều nghề trong một năm”.

- Một số ngành nghề đặc thù đòi hỏi kỹ năng và tay nghề cao thì thời gian đào tạo lại quá ngắn. Ví dụ như các lớp đào tạo về cơ khí, điện, mây tre đan... học viên chỉ được học thực tế có 3- 4 ngày, vì thế hiệu quả không rõ nét, người học mới chỉ có được nhận thức cơ bản về nghề chứ chưa thể nói là đã nắm được những thao tác cơ bản. Vì thế, người học nghề xong rất khó có cơ hội để có thể được tuyển dụng vào các cơ sở sản xuất kinh doanh vì kỹ năng, tay nghề chưa cao.

- Tại một số địa phương, công tác tổ chức tập huấn, đào tạo còn mang tính hình thức, nhất là trong công tác thông báo nội dung, đăng ký lớp tập huấn, lựa chọn thành viên tham gia tập huấn chưa phù hợp. Một số ý kiến cho rằng kỹ năng của giảng viên còn yếu dẫn đến chất lượng khoá tập huấn chưa cao. Các cơ sở đào tạo nghề thường ít lựa chọn các xã vùng sâu, vùng xa để triển khai các chương trình đào tạo.

- Một số ngành nghề, lớp tập huấn có hiệu quả nhất định trong cải thiện chất lượng cuộc sống gia đình, tăng thu nhập, như: Trồng nấm, trồng rau sạch, chăn nuôi thú y... nhưng sau tập huấn, đào tạo người dân không được hỗ trợ thêm về kỹ thuật, xây dựng mô hình, tiếp cận thị trường, vì thế mà mai một dần. Người dân lại quay về tập quán canh tác, sản xuất cũ, dễ làm nhưng không có hiệu quả về mặt kinh tế.

- Chính sách đào tạo nghề cũng còn tồn tại bất cập. Chương trình đào tạo nghề cho người nghèo được hỗ trợ 10000 đồng/ngày/người, trong khi đó, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn lại được hỗ trợ 15000 đồng/ngày/người, được hỗ trợ cả tiền đi lại. Do đó, nhiều nơi không mở được lớp dạy nghề cho người nghèo, nên kinh phí cấp cho đào tạo nghề cho người nghèo có cũng chẳng thể giải ngân được, còn dạy nghề cho lao động nông thôn thì lại luôn thiếu kinh phí để mở lớp vì ai cũng muốn học lớp này để được nhiều tiền hỗ trợ hơn, chưa cần biết học nghề gì và có cần thiết cho sau này hay không.

3.2.3. Hỗ trợ tín dụng cho hộ nghèo

Hiện nay, đối tượng được vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) chủ yếu là hộ nghèo và các đối tượng chính sách, tuy nhiên tùy theo từng chương trình cho vay cụ thể để có thêm những đối tượng khác. Ví dụ: chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường (NS & VSMT) nông thôn, đối tượng cho vay là tất cả những hộ gia đình sinh sống tại khu vực nông thôn mà chưa có công trình NS & VSMT hoặc có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn thì vẫn được vay vốn để làm công trình NS & VSMT; chương trình cho vay Giải quyết việc làm, đối tượng vay vốn là hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa... Điều kiện vay vốn: Tùy thuộc vào từng chương trình vay vốn mà có những điều kiện cho vay cụ thể. Tại NHCSXH hiện nay có nhiều chương trình cho vay, tại Nghệ an đã cho vay được 11 chương trình. Ví dụ: điều kiện cho vay của chương trình hộ nghèo: Hộ gia đình có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú dài hạn tại địa phương nơi cho vay, có tên trong danh sách hộ nghèo ở xã (phường, thị trấn) theo chuẩn quy định; điều kiện cho vay của chương trình Giải quyết việc làm: Có dự án vay vốn khả thi, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh, tạo việc làm mới và thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định, có tài sản thế

chấp theo quy định của pháp luật... Số vốn tối đa hộ ở nông thôn thì chia làm hai đối tượng, nếu vay vốn chương trình hộ nghèo thì tối đa là 30 triệu (nếu là hộ nghèo); nếu vay theo chương trình giải quyết việc làm thì 1 hộ được vay 20 triệu, hộ gia đình ở nông thôn có cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) thì được vay tối đa 500 triệu (có thể chấp tài sản). Các hộ vay khi vay vốn sử dụng sai mục đích thì chuyển nợ quá hạn và tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Hộ cận nghèo thì có thể vay vốn sản xuất kinh doanh qua chương trình giải quyết việc làm, lãi suất hiện nay đối với chương trình này là 0,65%/tháng.

Trong 5 năm (2006 - 2010), đã thực hiện cho hơn 220.000 lượt hộ nghèo được vay vốn, với doanh số cho vay đạt 2.066 tỷ đồng, mức vay bình quân được nâng dần từ 6,05 triệu đồng/ hộ năm 2006 lên 14,3 triệu đồng/ hộ năm 2010. Tất cả các hộ nghèo có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đủ điều kiện đều được vay; thủ tục, phương thức cho vay đối với hộ nghèo đã tuân thủ đúng theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng, thủ tục hành chính đơn giản, chặt chẽ. Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho 251.000 lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay với số vốn 1.784 tỷ đồng phục vụ cho việc học tập theo quyết định QĐ 157/CP, cho 3.690 lượt hộ đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) đặc biệt khó khăn vay theo quyết định QĐ 32/CP với doanh số 15,2 tỷ đồng, lãi suất 0%; xấp xỉ 25.000 lượt hộ vùng khó khăn vay vốn SXKD với doanh số 429 tỷ đồng v.v... Năm 2011, tính đến 31/12, tại NHCSXH Nghệ An, tổng nguồn vốn: 5.192 tỷ đồng. Doanh số cho vay năm 2011: 1.853 tỷ đồng, doanh số thu nợ: 562 tỷ đồng. Tổng dư nợ: 5.184 tỷ đồng, trong đó: đối tượng hộ nghèo: 1.779 tỷ đồng, đối tượng học sinh sinh viên: 2.528 tỷ đồng, đối tượng hộ SXKD vùng khó khăn: 330 tỷ đồng, NS & VSMT thôn: 212 tỷ đồng, hộ nghèo làm nhà ở theo Quy định 167 là 139,6 tỷ đồng, Xuất khẩu lao động: 56,6 tỷ đồng; giải quyết việc làm: 108 tỷ đồng; thương nhân vùng khó khăn:

5,5 tỷ đồng; hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn: 21,1 tỷ đồng; cho vay khác: 4,2 tỷ đồng; tổng số khách hàng 333.240 hộ [17].

Đến nay, đầu tư tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội đã thực hiện cho vay được 2.955 tỷ đồng; trong đó: hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất 1.630 tỷ đồng, với 94.989 lượt hộ vay và trên 1.325 tỷ đồng cho vay các đối tượng: học sinh sinh viên, hộ nghèo xây dựng nhà ở, xuất khẩu lao động; xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ... Mức dư nợ bình quân/hộ đạt 17,2 triệu đồng, tăng 3,7 triệu đồng so với năm 2010.

Tổng kết giai đoạn 2003- 2013, tổng nguồn vốn chính sách do chi nhánh tỉnh Nghệ An quản lý đạt 5.731 tỷ đồng, tăng 5.418 tỷ đồng so với ngày đầu thành lập, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 36,5%. Tổng số cho vay trong 10 năm qua đạt 8.703 tỷ, bình quân doanh số mỗi năm 870.3 tỷ đồng. Tổng doanh số thu nợ đạt 3.194 tỷ đồng, bình quân mỗi năm thu 320 tỷ đồng, chiếm 37% doanh số cho vay. Gần 99% tổng dư nợ tập trung vào các chương trình tín dụng dành cho xóa đói, giảm nghèo. Nguồn vốn ưu đãi đã giúp 728.857 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, tạo việc làm cho 12.799 lao động, hơn 170 ngàn em học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập, 7.164 lao động được đi xuất khẩu lao động. Nhờ đó đã có 62.387 hộ nghèo đã thoát nghèo.

Việc thực hiện có hiệu quả Dự án tín dụng ưu đãi đã tạo điều kiện về vốn cho hộ nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo thu nhập, vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống, góp phần giảm số lượng hộ nghèo chung của toàn tỉnh, góp phần giải quyết nhiều vấn đề của cộng đồng, nhất là đối với các hộ nghèo. Từ việc vay vốn để chăn nuôi, sản xuất kinh doanh nhỏ cho đến vay vốn giải quyết việc làm; vay vốn cho con đi học các trường chuyên nghiệp; vay vốn để mua các máy móc, nông cụ; vay vốn xuất khẩu lao động; vay vốn

làm nhà... Có thể nói chủ trương cho hộ nghèo vay vốn ưu đãi đã tạo bước đột phá trong công cuộc giảm nghèo tại địa phương.

3.2.4. Hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất

Chương trình hỗ trợ đã lập đề cương mẫu về xây dựng các mô hình kinh tế sản xuất các loại nông sản chủ lực theo quy trình công nghệ cao tại các xã. Nông sản chủ lực là nông sản chiếm tỷ trọng cao trên 60% thu nhập kinh tế của người dân đang sản xuất nông nghiệp ở địa phương. Qua đó, tăng thu nhập cho người dân và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tại địa phương.

Để các xã có thể phát huy được tiềm năng, lợi thế của mình, mỗi xã chọn ra 2 đến 3 loại nông sản chủ lực để xây dựng các mô hình sản xuất áp dụng quy trình công nghệ cao cho từng loại nông sản.

- Sản xuất theo quy trình công nghệ cao là sản xuất có áp dụng:

+ Giống mới

+ Đầu tư đủ, đúng quy trình tiên tiến

+ Sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Mô hình xây dựng trong 2 năm, thì nhân rộng trên địa bàn, để làm cơ sở hình thành tập quán sản xuất có đầu tư, nhằm tăng thu nhập.

Trong năm 2011, UBND tỉnh đã đầu tư cho 133 xã, mỗi xã 50 triệu đồng, giao Trung tâm Khuyến nông chỉ đạo thực hiện, xây dựng, đánh giá, sơ kết, tổng kết và nhân rộng mô hình. Chương trình này có nhiều tác động tích cực đến phương thức sản xuất cho những hộ nghèo. Với cách thức hỗ trợ này, người nghèo được ứng dụng giống mới, kỹ thuật mới vào sản xuất. Trong vụ mùa 6 tháng đầu năm 2014, đã thực hiện các hoạt động để chuyển giao khoa học kỹ thuật như thực hiện hoạt động ICM (3 giảm, 3 tăng - Giảm giống,

giảm phân đạm, giảm thuốc bảo vệ thực vật; tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế, tăng chất lượng sản phẩm): triển khai được 13 lớp tại 10 huyện cho 390 hộ nông dân tham gia, diện tích ứng dụng trung bình 3 - 5 ha/lớp. Giúp nông dân giảm được chi phí đầu tư sản xuất, tăng năng suất cây trồng, hiệu quả kinh tế cao hơn. Thực hiện chương trình SRI (hệ thống canh ta lúa cải tiến trên cây lúa): triển khai thực hiện 08 lớp nghiên cứu tại 7 huyện, số lượng nông dân tham gia huấn luyện 240 người. Các mô hình sản xuất được triển khai nhằm mục đích giúp nông dân lựa chọn được mật độ cấy phù hợp, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Đây cũng là giải pháp tích cực góp phần chuyển nhanh nông nghiệp theo kinh nghiệm hiện nay sang nông nghiệp hàng hóa, đầu tư thâm canh theo quy trình công nghệ cao, nhằm tăng thu nhập cho người dân, tạo điều kiện, là nguồn động lực để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tại địa phương.

3.2.5. Hỗ trợ phát triển thị trường nông thôn

Với quan điểm, người dân ở nông thôn nên được tạo cơ hội để được tiếp cận, sử dụng các loại hàng hóa có chất lượng của Việt Nam. Khi được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm tốt, họ mới có điều kiện để tìm hiểu, học tập kinh nghiệm làm ra được những sản phẩm tốt, cũng là cơ hội để họ tìm hiểu thêm về nhu cầu thị trường, nhìn nhận được điều kiện và năng lực sản xuất của mình. Thời gian qua, tỉnh Nghệ An đã chỉ đạo ngành công thương yêu cầu các doanh nghiệp (DN) đẩy mạnh kinh doanh, tăng lượng hàng hóa bán ra thị trường, bảo đảm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Gần đây việc *thực hiện cuộc vận động đưa hàng Việt Nam chất lượng cao về nông thôn* đang được triển khai tích cực. Từ đầu năm 2011 đến nay theo quyết định của UBND tỉnh, lượng hàng hóa dự trữ của bảy DN trên địa bàn tham gia bình ổn giá được hỗ trợ lãi suất với số tiền hỗ trợ 71,3 tỷ đồng. Những DN tham gia bình ổn giá đều tích cực đưa hàng bán rộng rãi ra thị trường, tập trung vào các

thị trường nóng, các trung tâm thương mại, siêu thị, thị trấn, thị tứ ở các huyện miền núi đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân với giá bán theo cam kết thấp hơn giá thị trường từ 10 đến 15%. Thời gian qua việc tổ chức chương trình đưa "Hàng Việt Nam chất lượng cao" về vùng nông thôn cũng được các ngành chức năng, chính quyền các tổ chức đoàn thể địa phương phối hợp với DN tích cực hưởng ứng. Từ thực tế cho thấy, việc tổ chức đưa hàng về nông thôn và miền núi rất có hiệu quả trong cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Mặc dù DN được trợ giá cước vận chuyển, nhưng vì phải bán đúng giá niêm yết (bằng giá bán sỉ tại Vinh), trong khi để bán hàng lưu động thì phải cân chi phí nhiều hơn (cho cả lái xe, nhân viên bán hàng, nhân viên bảo vệ; và chi phí ăn, ở... trong thời gian bán hàng dài ngày) nên dường như không có lãi. Trong lần đầu ngành công thương Nghệ An tổ chức cho DN đưa hàng Việt Nam chất lượng cao về nông thôn, hai điểm đều thuận lợi về giao thông, đông dân cư, thuận lợi trong việc bán hàng của DN. Tuy nhiên, việc các DN thường xuyên tham gia thực hiện chương trình này về các vùng miền núi đặc biệt khó khăn sẽ rất khó khăn vì kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp hạn chế. Từ khi thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", năm 2011 UBND tỉnh Nghệ An chỉ mới cấp được 100 triệu đồng để thực hiện đưa hàng Việt Nam chất lượng cao về nông thôn, miền núi. Thời gian tới, ngành công thương cần kêu gọi thêm nhiều DN cùng tham gia để nhân dân được tiếp cận và hưởng lợi nhiều hơn.

Bên cạnh tăng cường đưa hàng hoá về nông thôn, tỉnh Nghệ An còn chú trọng đến xây dựng hệ thống chợ đầu mối, chợ phân phối ... tạo điều kiện cho bà con đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng. Theo thống kê trên địa bàn tỉnh Nghệ An, hiện nay có đến 60% hàng hóa được lưu chuyển qua chợ nông thôn. Đây trở thành nơi tiêu thụ các sản phẩm nông sản, giải quyết nhu cầu trao đổi hàng hóa, phân phối đến các chợ thành phố, thị xã trong tỉnh. Tuy nhiên, do

chợ hình thành chủ yếu trước khi có quy hoạch, nên phân bố không đồng đều giữa các vùng; hệ thống điện, giao thông trong chợ, cấp thoát nước còn yếu kém; hệ thống phòng cháy chữa cháy, nguồn nước cung cấp phục vụ công tác chữa cháy không có hoặc rất ít; vệ sinh môi trường trong và ngoài chợ chưa được quan tâm. Tỉnh Nghệ An đang thực hiện chính sách đầu tư hỗ trợ xây dựng chợ nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội và các quy định Nhà nước. Hoạt động của chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An thời gian qua đã tạo việc làm cho trên 100.000 lao động địa phương sau mùa vụ. Chợ nông thôn còn tiêu biểu cho phong tục tập quán vùng miền, vừa mua bán trao đổi hàng hóa do người dân sản xuất ra, vừa giảm bớt khó khăn, tăng thu nhập cho người dân, người mua hàng được thuận tiện; tạo ra nguồn ngân sách đáng kể về thuế, phí và lệ phí cho địa phương. Chợ nông thôn Nghệ An còn góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, mở ra thương mại dịch vụ cho địa phương, thúc đẩy sản xuất kinh tế nông thôn phát triển.

Bên cạnh đó, tuy là chợ ở nông thôn, thậm chí ở cả những chợ ở các huyện vùng cao vùng sâu của các huyện miền núi, nhưng có thể thấy, trong các gian hàng, thì sản phẩm đa phần là của các doanh nghiệp, tập đoàn nước ngoài chiếm đa phần, đặc biệt là các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu như nước giặt, bột giặt, dầu gội, cho đến cả sữa bột, nước tẩy rửa v.v ... hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam còn rất ít. Còn ở các quầy hàng thực phẩm tươi sống, đặc biệt là ở các gian hàng rau, vẫn còn một lượng các loại rau củ quả nhập về từ Trung Quốc theo đường tiểu ngạch, với kinh nghiệm trồng trọt lâu năm, họ có thể chỉ ra ngay đâu là rau củ quả Trung Quốc, tuy nhiên, do năng suất lao động còn thấp, khả năng trồng các loại rau củ trái mùa của bà con nông dân đang còn rất yếu vì thế, họ biết rằng nếu sử dụng những loại củ quả đó thì có thể sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, nhưng do có nhu cầu sử dụng nên họ vẫn buộc phải mua và những người bán thì vì lợi nhuận nên bất chấp đến sức

khỏe người tiêu dùng, vẫn tiếp tục nhập về để bán. Điều này là một bất cập rất lớn từ trong khâu quản lý chợ, nhưng cũng là một vấn đề đặt ra cho các nhà khoa học làm trong ngành nông nghiệp nói riêng và các cấp các ngành nói chung, cần phải có những cách làm cụ thể để người nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, họ có thể vẫn làm giàu được ngay tại mảnh đất quê hương của mình thông qua việc được tiếp cận và ứng dụng các loại giống cây con mới để tăng năng suất lao động, ứng dụng được kỹ thuật canh tác mới để có thể trồng, nuôi được các loại cây, con trái vụ có giá trị kinh tế cao, cung cấp cho thị trường nông thôn, thành thị những loại sản phẩm sạch, có giá trị ... chỉ khi đó họ mới thực sự thoát nghèo, thoát nghèo bền vững và có thể vươn lên làm giàu.

3.3. Tác động của hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường đến xóa đói giảm nghèo ở nông thôn Nghệ An

Kết quả chủ yếu về xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2006- 2013

Trong giai đoạn 2006 – 2013, các chính sách đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh đã được các ngành chức năng, các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, kịp thời; hộ nghèo, những người yếu thế đã được trợ giúp nhiều mặt, vượt qua khó khăn trong đời sống, từng bước hòa nhập cộng đồng; nâng cao niềm tin của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Bảng 3.2. Thực trạng hộ nghèo ở một số huyện của Nghệ An năm 2011

Huyện	Tổng số hộ nghèo (hộ)	Hộ nghèo mới (hộ)	Hộ tái nghèo (hộ)	Tỉ lệ hộ nghèo (%)
Con Cuông	7209	1262	5947	44
Anh Sơn	5951	-(*)	-(*)	24,3
Diễn Châu	10327	2910	7417	14,65

Nghi Lộc	6582	5405	1177	13,59
Thái Hòa	1073	209	864	6,28
Quỳnh Lưu	10399	2579	7820	12,3

Nguồn: Tổng hợp theo báo cáo về XĐGN năm 2011 của các huyện

Chú thích (): Không có số liệu*

Theo số liệu điều tra hộ nghèo cuối năm 2010 theo chuẩn nghèo quy định tại Chỉ thị số 1752/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2011-2015, tính đến đầu năm 2011: Tổng số hộ nghèo cả tỉnh: 164.290 hộ, chiếm tỷ lệ 22,89%; trong đó, số hộ nghèo ở nông thôn là 157.851 hộ, chiếm tỷ lệ 26,40% so với số hộ toàn tỉnh. Hết năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh 18,79%, cả nước 11,76%), trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi đang còn ở mức cao (31,35 %); hộ nghèo tập trung với tỷ lệ lớn ở vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng ven biển; kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, nguy cơ tái nghèo cao (xấp xỉ 10% số hộ nghèo) [15]. Như vậy, tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh tập trung cao ở khu vực nông thôn và miền núi, chiếm gần 73% tỉ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo của các huyện miền tây vẫn đang là 31,35%. Riêng những huyện vùng núi cao tỷ lệ hộ nghèo rất cao: Kỳ Sơn 72,5%; Tương Dương 65,25%; Quế Phong 50,53%. Có hàng chục xã tỷ lệ nghèo gần như tuyệt đối trên 80% trở lên.

Giai đoạn sau gần 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2011 – 2015, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong 2 năm 2011 - 2012, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm bình quân hàng năm là 3,6 %, riêng 3 huyện nghèo 30a giảm từ 6 – 7 %/năm, đưa tỷ lệ hộ nghèo còn 15,61 % vào cuối năm 2012. Đến cuối năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm xuống còn 12,5%. Đạt được kết quả này là nhờ trong gần 3 năm qua, toàn tỉnh đã thu hút được 168 dự án đầu tư, giúp cho

hàng chục ngàn lao động có thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, các chính sách, dự án thuộc chương trình mục tiêu giảm nghèo được triển khai lồng ghép có hiệu quả. Các chính sách, dự án đầu tư hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, xã nghèo tiếp tục được bổ sung. Hàng năm, toàn tỉnh có từ 11.000 đến 13.000 lao động đi lao động xuất khẩu. Nghệ An đặt ra mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2014 xuống còn 10%, năm 2015 còn 7,5%, phấn đấu hoàn thành trước 1 năm so với mục tiêu chương trình và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 17 đề ra.

Bảng 3.3. Tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo thành thị, nông thôn

	Đơn vị tính	2010	2011	2012	Sơ bộ 2013
1. Tỷ lệ hộ nghèo phân theo thành thị, nông thôn	%	24,80	22,50	19,35	16,51
Thành thị		7,04	6,18	5,49	4,82
Nông thôn		27,00	23,32	21,09	17,90
2. Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng	Nghìn đồng	919,60	1 155,00	1 373,61	1 571,60
Thành thị		1 416,20	1 961,81	2 333,13	2 667,34
Nông thôn		710,00	1 013,97	1 205,89	1 387,93
3. Chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập ít nhất	lần	7,50	7,97	7,97	7,53
Thành thị		7,90	8,00	8,40	8,50
Nông thôn		7,30	7,60	7,80	7,90

Nguồn: Niên giám thống kê Nghệ An năm 2013

Một điểm đáng chú ý nữa là, qua thống kê Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 năm 2014 tỉnh Nghệ An của Cục Thống kê Nghệ An cho thấy tình trạng thiếu đói trong nông nghiệp ở Nghệ An vẫn còn diễn ra. Đến thời điểm

12/10/2014 trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 2722 hộ nông nghiệp thiếu đói với 12387 khẩu chiếm 0,62% số khẩu nông nghiệp, trong đó số hộ thiếu đói gay gắt 282 hộ với 1286 khẩu chiếm 0,06% số khẩu nông nghiệp. Số hộ thiếu đói kỳ này chủ yếu xảy ra ở các huyện như: Kỳ Sơn 11%, Tương Dương 6,6%,... Các huyện khác tỷ lệ hộ thiếu đói xảy ra ít hơn và có 15/21 huyện, thành phố, thị xã không xảy ra thiếu đói. So với tháng trước số hộ thiếu đói tăng 6,3% (+161 hộ), khẩu thiếu đói tăng 6,6% (+763 người), số khẩu thiếu đói gay gắt tăng 11,4% (+132 người). So với cùng kỳ năm trước số hộ thiếu đói giảm 53% (- 3070 hộ), khẩu thiếu đói giảm 50,26% (-12515 người), số khẩu thiếu đói gay gắt giảm 83,09% (-6318 người. Nguyên nhân thiếu đói kỳ này tăng hơn tháng trước do một bộ phận đồng bào vùng núi cao, vùng dân tộc chủ yếu trồng lúa rẫy, thiếu đất sản xuất, thiếu vốn, trình độ sản xuất thấp kém nên tình trạng thiếu đói diễn ra thường xuyên. Dự tính thời gian tới số hộ, số người thiếu đói sẽ giảm do bà con nông dân nhận được trợ cấp và thu hoạch vụ mùa.

Qua những thống kê này cho thấy, những kết quả trong giảm nghèo của tỉnh vẫn còn thấp, những chương trình hỗ trợ nông thôn nói chung, cho người nghèo nói riêng chưa thực sự phát huy được hiệu quả. Một phần nguyên nhân là do điều kiện tự nhiên ở các huyện miền núi và miền biên quá khó khăn, thời tiết khắc nghiệt (đặc thù như huyện Tương Dương là huyện nóng nhất Việt Nam, xã Cửa Rào, huyện Tương Dương được ví như "lò sấy Đông Dương"), khiến cho việc làm nông nghiệp của bà con rất khó khăn, mất mùa thường xuyên. Trình độ dân trí của người dân nơi đây còn thấp, họ chỉ quen với những kỹ thuật canh tác lạc hậu, diện tích đất canh tác thì ít, manh mún, điều kiện canh tác gặp nhiều khó khăn ... Nhưng còn nguyên nhân nữa đó là những người dân nghèo vẫn chưa thực sự chủ động nắm bắt các cơ hội mà các chương trình XĐGN mang lại để thoát nghèo, có những vùng miền núi như ở

huyện Tương Dương, trường bản cũng nằm trong diện hộ nghèo, thậm chí, người dân ở đây còn lấy cả thóc giống được hỗ trợ để ngâm làm rượu, ở những vùng này, người nghèo hoàn toàn phụ thuộc vào cứu trợ của chính quyền địa phương và các chương trình khác của quốc gia.

3.4. Đánh giá chung

3.4.1. Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, dù chịu nhiều tác động của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan không thuận lợi, song tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của tỉnh trong giai đoạn 2006- 2010 đạt 9,7%, thu nhập bình quân năm 2010 đạt 14,16 triệu đồng/người, tăng hơn 2,5 lần so với năm 2006, tạo điều kiện về nguồn lực cho thực hiện chương trình XĐGN chung của toàn tỉnh. Với sự đồng thuận và quyết tâm thực hiện của các cấp các ngành, XĐGN huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, xã hội trên toàn địa bàn như: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... đưa công tác chỉ đạo thực hiện giảm nghèo thành nhiệm vụ chính trị của mình. Bằng các hoạt động phù hợp với từng tổ chức, công tác XĐGN đã diễn ra trên quy mô lớn, nhiều hình thức đa dạng như: xây dựng “Quỹ tín dụng vay vốn hội viên nghèo”, “Ngày vì người nghèo”, xây dựng “Nhà Đại đoàn kết”, vận động “Quỹ vì người nghèo”, phân công trách nhiệm cho hội viên của các tổ chức giúp đỡ các hộ thoát nghèo... Tất cả những chương trình, hành động vì người nghèo đã mang lại những tác động tích cực, không chỉ giúp người nghèo vượt qua những khó khăn ban đầu mà còn tạo điều kiện trang bị cho họ những điều kiện, năng lực cần thiết để thoát nghèo. Đến năm 2011, tỉ lệ hộ nghèo toàn tỉnh đã giảm, điều này có sự tích cực trong hoạt động hỗ trợ XĐGN cho người dân.

Các chương trình hỗ trợ đã được triển khai song song, nhiều nội dung. Người nghèo ở vùng nông thôn đã có được môi trường, điều kiện sống tốt hơn.

Điều kiện cơ sở hạ tầng được nâng lên, giúp cho người nghèo lưu thông, giao thương được dễ dàng, có được nhà ở kiên cố, họ cũng yên tâm hơn để bước đầu tập trung vào sản xuất (dù là ở quy mô còn rất nhỏ: vườn rau, đàn gia cầm, ...). Họ đã được trang bị các kỹ năng để sử dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả: được học để làm nghề, học cách xây dựng và quản lý mô hình sản xuất quy mô nhỏ để có thể sử dụng vốn đầu tư sản xuất kinh doanh hợp lý.

Như vậy, bước đầu người nghèo đã được tạo các điều kiện cơ bản về cơ sở hạ tầng như chợ, đường sá, nước sạch, được tiếp cận với vốn, được trang bị các kiến thức cơ bản về các nghề nuôi , trồng, thủ công mỹ nghệ ... Như vậy, họ đã được học cách làm cần cù để thoát nghèo. Nhưng không có giải pháp nào có thể áp dụng được cho tất cả các đối tượng , cũng không có giải pháp nào là hoàn hảo để có thể giải quyết dứt điểm một vấn đề. Trên thực tế, hoạt động hỗ trợ người nghèo cũng có những hạn chế nhất định.

3.4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh vẫn cao hơn so với bình quân chung cả nước (năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh 12%, cả nước 9%. Năm 2013, tỉ lệ hộ nghèo cả nước là 7,8%, của tỉnh là 12,5%), trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi đang còn ở mức cao, hộ nghèo tập trung với tỷ lệ lớn ở vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng ven biển; kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, nguy cơ tái nghèo cao (xấp xỉ 10% số hộ nghèo). Tính đến thời điểm 11-12-2013 trên địa bàn tỉnh còn có 4055 hộ nông nghiệp thiếu đói với 17537 khẩu chiếm 0,89% số khẩu nông nghiệp, trong đó số hộ thiếu đói gay gắt là 1303 hộ với 6210 khẩu chiếm 0,32% số khẩu nông nghiệp.

- Nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, xã nghèo vẫn ít so với nhu cầu, nhất là: khuyến nông, lâm, ngư, phát triển ngành nghề, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ nhà ở... ;

- Một số chính sách ưu đãi hộ nghèo chưa phù hợp, chưa có tác dụng khuyến khích hộ nghèo, xã nghèo phấn đấu vượt nghèo đã làm hạn chế kết quả XĐGN như:

+ Nguồn vốn: Xuất phát từ việc chương trình bị thiếu vốn đầu tư, cho nên chương trình vốn tiết kiệm cho vay của dự án ở vào tình trạng bị thiếu về cả số lượng, thời lượng, bị hẹp về đối tượng thụ hưởng, với lãi suất được người dân đánh giá là còn quá cao, và thiếu tính kịp thời trong đáp ứng nhu cầu của người dân. Mặt khác, món vay cho mỗi hộ được vay còn thấp nên chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế của người dân. Công tác giám sát, quản lý sử dụng vốn vay chưa được chú trọng dẫn đến việc sử dụng vốn không đúng mục đích vẫn còn xảy ra. Nhiều hộ khi vay được tiền, do không đủ để đầu tư sản xuất kinh doanh, nên đã sử dụng để mua sắm các vật dụng trong nhà. Khi đến kỳ trả nợ thì chậm nợ hoặc phải vay tiền nơi khác để bù vào do đó họ vẫn chưa thể thoát nghèo được.

+ Hoạt động tập huấn sản xuất nông nghiệp: Việc triển khai các lớp tập huấn được người dân đánh giá cao, tuy nhiên việc phát triển các mô hình sau tập huấn chưa được chú trọng, vì thế các tác động tích cực của lớp tập huấn không nhiều. Đa số các thành viên tham gia các lớp học đều chia sẻ rằng, sau tập huấn thì các kiến thức có thể áp dụng phần nào trong gia đình, nhưng để phát triển kinh tế thì chưa làm được.

Tính hiệu quả của các chương trình tập huấn chưa cao, xuất phát từ 2 nguyên nhân chính.

Thứ nhất, nhận thức và ý thức của người dân còn hạn chế, đặc biệt là đối với các hộ nghèo. Với tư tưởng sản xuất cá thể, tự cung tự cấp, “không học thì cũng làm được lúa ăn” vì thế một số hộ khi tham gia lớp tập huấn chủ yếu “cho có phòng trào” hoặc vì có hỗ trợ kinh phí. Mặt khác, việc lựa chọn học

viên tham gia tập huấn cũng chưa phù hợp dẫn đến việc một số người học sau khi học xong thì không áp dụng được vào thực tế sản xuất. Người dân chưa quan tâm đến việc học nghề, tâm lý người dân không muốn làm nghề khác vì sợ vất vả, mà trước giờ không học gì cũng làm được lúa ăn. Con em hộ nghèo chủ yếu đi làm thuê, làm công nhân trong miền Nam, chứ không muốn học các nghề phổ thông ở địa phương. Hơn nữa, vận động học nghề nhưng không có định hướng đầu ra nên người dân không có hứng thú tham gia.

Thứ hai, các lớp tập huấn chủ yếu dựa vào các chương trình của các dự án đã được thiết kế từ trước mà chưa đánh giá kỹ, đầy đủ về năng lực (dân trí) và điều kiện tiếp cận thông tin của người dân ở mỗi một địa phương; nhu cầu và thế mạnh ngành nghề của địa phương cũng chưa được chú trọng, do vậy làm giảm tính hiệu quả của các chương trình tập huấn. Sản phẩm nông nghiệp của người dân (trồng nấm, rau sạch, chăn nuôi...) chủ yếu phục vụ gia đình, chứ chưa tìm được đơn vị bao tiêu sản phẩm để tăng thu nhập (*riêng nghề trồng nấm, sau một thời gian thấy không hiệu quả nên đã bỏ không tổ chức học và triển khai trên thực tế nữa*).

***Nguyên nhân của tình trạng trên là do:**

- Về khách quan

+ Điểm xuất phát của tỉnh còn thấp, tỉnh Nghệ An vẫn đang là một tỉnh nghèo, ngân sách địa phương đầu tư hỗ trợ cho chương trình giảm nghèo hàng năm còn thấp, khả năng đầu tư mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế để tạo mở việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, nhất là lao động nghèo còn hạn chế.

+ Điều kiện tự nhiên ở các vùng nông thôn (đặc biệt là nông thôn miền núi) chưa thuận lợi, trình độ dân trí còn thấp, phong tục, tập quán ở một số

vùng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn lạc hậu ... đã hạn chế quá trình tổ chức thực hiện các chương trình XĐGN.

+ Đại bộ phận hộ nghèo của tỉnh có nguồn thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, thu nhập bấp bênh, không chỉ phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện tự nhiên, chỉ cần có những biến động trên thị trường như giá cả vật tư, phân bón tăng cao cũng sẽ có tác động làm hạn chế khả năng vươn lên thoát nghèo.

+ Một số văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến việc thực hiện Chương trình giảm nghèo của các Bộ, ngành, Trung ương còn chậm, thiếu đồng bộ dẫn đến việc tổ chức triển khai vướng mắc, lúng túng.

+ Thêm vào đó là tác động của cơ chế kinh tế thị trường, như: Tình hình lạm phát, chỉ số giá cả biến động khó lường tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân, nhất là hộ nghèo và hộ cận nghèo, phân hoá giàu nghèo diễn ra ngày càng sâu sắc.

+ Tiến trình đô thị hóa, xây dựng các khu công nghiệp của tỉnh sẽ phát sinh những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến một bộ phận dân cư trở nên nghèo hoặc tái nghèo trở lại do bị thu hồi đất sản xuất.

+ Cơ sở hạ tầng (CSHT) ở các xã nghèo tuy đã dần được tăng cường, nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu đang đòi hỏi. CSHT ở các xã nghèo cần phải được tăng nhanh đầu tư và cải tạo để tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, văn hóa. Vẫn còn một số xã miền núi mang danh hiệu “4 không”: không điện, không đường, không nước sinh hoạt, không đất sản xuất và đặc biệt “nóng”, thậm chí, nhiều nhà dân bị đất đá trôi vào nhà, không ở được khi mùa mưa lũ đến, v.v...

* Về chủ quan

+ Nhận thức của một số lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, tổ chức đoàn thể về công tác giảm nghèo chưa thực sự sâu sắc và toàn diện, một bộ phận hộ

nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức và trách nhiệm vươn lên thoát nghèo.

+ Nhiều chuyên viên chuyên trách của các dự án mặc dù khi được nhận vào làm việc họ được tập huấn rất kỹ càng, tuy nhiên trong quá trình thực hiện, các cán bộ chuyên trách này cũng chưa thực sự nhiệt tình, phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình.

+ Sự chỉ đạo của các cấp, các ngành chưa quyết liệt, kịp thời; thiếu sự chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện. Năng lực quản lý, điều hành chương trình giảm nghèo của cán bộ, nhất là cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) còn nhiều hạn chế. Định biên cán bộ chuyên trách làm công tác Lao động – Thương binh xã hội (trong đó có nhiệm vụ quản lý Chương trình giảm nghèo) chưa được bố trí làm ảnh hưởng đến việc quản lý và điều hành từ cơ sở.

+ Nhận thức của một bộ phận dân cư về công tác giảm nghèo còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, thiếu kiến thức và kinh nghiệm làm ăn để vươn lên thoát nghèo.

+ Đã có nhiều chương trình, dự án XĐGN được đưa ra và triển khai thực hiện, tuy nhiên, tính thực tiễn của các dự án với các đối tượng thụ hưởng chưa được cao. Cộng thêm cách triển khai nặng về cung cấp các yếu tố vật chất với những người nghèo, trình độ dân trí chưa cao vì thế các yếu tố như vốn, khoa học kỹ thuật, công nghệ chưa thực sự phát huy được hết tác dụng. Thậm chí còn tạo ra tâm lý ỷ lại, phụ thuộc và trông chờ vào các dự án từ trên đưa xuống. Bên cạnh đó, do các yếu tố được cung cấp này còn hạn hẹp, mang tính chất giai đoạn vì thế nó chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa, người nghèo ở nông thôn mới chỉ hoặc được cầm vốn, hoặc được học nghề... chứ chưa tạo thành một chương trình tổng thể, vì thế sau mỗi một chương trình hay dự án thì mọi

việc lại trở về ban đầu , người dân lại quay về với phương thức sản xuất cũ, hoặc lại bỏ đi những gì mình được học, được tiếp cận nên rất lãng phí.

Cùng với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, thực hiện các chương trình, chính sách về xây dựng nông thôn, XDGN, nông thôn và cuộc sống của người nghèo nông thôn Nghệ An đã có thay đổi. Tỷ lệ người nghèo hằng năm ở nông thôn có giảm. Tuy nhiên, trong tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ tái nghèo còn cao. Điều này còn chứng tỏ rằng kết quả XDGN cho người dân chưa thực sự hiệu quả và bền vững, khả năng của người dân để thoát đói nghèo còn rất thấp, nhất là trong điều kiện nền kinh tế khó khăn như hiện nay, chỉ cần có một biến cố nào đó liên quan đến môi trường sống xung quanh hộ nghèo, hộ cận nghèo thì tỷ lệ hộ nghèo chung sẽ lại tăng lên.

Như vậy, công tác XDGN đã nhận được sự tham gia tích cực của người dân và huy động được sức mạnh của hệ thống chính trị xã hội trên địa bàn góp phần thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo của tỉnh. Việc tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo được thực hiện bằng nhiều giải pháp có hệ thống, từ an sinh xã hội, trợ cấp đến đào tạo nghề, tức là từ việc cấp cho người nghèo con cá đến việc cho họ cái cần câu và cao hơn là tập cho người nghèo tự làm cần câu cá. Những giải pháp như vậy đã có tác động tích cực trong giảm tỷ lệ hộ đói nghèo của tỉnh, nhưng vấn đề đặt ra là người nghèo sau khi biết làm cần câu rồi thì họ sẽ “câu” ở đâu? Câu được loại cá gì? Bán như thế nào (ché biển hay bán cá tươi)? Bán nó ở đâu? Đây là những câu hỏi mà nếu như trả lời được thì công cuộc XDGN cho người nghèo Nghệ An nói chung và cho người dân vùng nông thôn Nghệ An nói riêng sẽ đạt kết quả tốt và người dân sẽ thực sự thoát khỏi đói nghèo một cách bền vững.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO NÔNG THÔN NGHỀ AN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG

4.1. Quan điểm về xoá đói giảm nghèo và hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường

4.1.1. *Gắn sự phát triển kinh tế với giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững*

Nếu như thành quả của phát triển kinh tế mà không do người dân làm ra, người dân không được hưởng thì sự phát triển kinh tế đó không bền vững và không có ý nghĩa. Sự tăng trưởng và phát triển kinh tế phải tạo được thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Phải tìm cách tạo việc làm (đặc biệt là các việc làm phi nông nghiệp) có như vậy mới có thể chuyển bớt lao động nông nghiệp sang những khu vực ngành nghề khác, và diện tích thực tế mà mỗi người nông dân có để canh tác sẽ lớn hơn. Đồng thời tạo điều kiện áp dụng được những kỹ thuật nông nghiệp mới một cách hiệu quả, cũng như giảm chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển, những người yếu thế, những người nghèo thường rất khó tiếp cận đến những cơ hội để tìm việc làm, tạo thu nhập, vì vậy, cũng cần phải có sự hỗ trợ trực tiếp từ các tổ chức, chính quyền các cấp dưới các hình thức như: trợ cấp trực tiếp, hỗ trợ các điều kiện, phương tiện để làm ăn. Vì vậy, trong quá trình phát triển kinh tế, cần phải chú ý, hỗ trợ tạo điều kiện cho những người nghèo, có khả năng lao động được tham gia vào thị trường lao động để họ có việc làm và có thu nhập. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chế biến nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ... những ngành thu hút nhiều lao động.

4.1.2. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường là việc làm vừa mang tính cấp thiết, vừa mang tính lâu dài

Trong cơ chế cạnh tranh của thị trường , chỉ những ai có đủ năng lực cạnh tranh mới có thể tồn tại . Nhưng với những người nghèo , họ không chỉ nghèo về thu nhập mà họ còn nghèo về sức mạnh và nghèo cả sự tiếp cận . Do đó, người nghèo cần phải được hỗ trợ, tạo điều kiện để có thể tiếp cận được đến các chính sách, tiếp cận được với các nguồn lực, các yếu tố đầu vào để có thể tiến hành lao động, sản xuất kinh doanh. Sự hỗ trợ này mang tính cấp thiết và mang tính lâu dài . Trong nền kinh tế thị trường , do tác động của quy luật cạnh tranh, sự phân hoá xã hội là điều tất yếu , những hộ nghèo thường không có các tư liệu sản xuất , không có được các cơ hội để tiếp cận và sử dụng các yếu tố đầu vào để tiến hành sản xuất . Trong khi đó, khoảng cách giàu nghèo trong xã hội ngày càng gia tăng , người nghèo thường thụ động trong việc vươn lên tiếp cận các cơ hội để thoát nghèo , nếu không hỗ trợ kịp thời , thì khoảng cách đó ngày càng dẫn rộng, ảnh hưởng đến an sinh xã hội. Mặt khác, nếu sự hỗ trợ chỉ mang tính thời điểm thì những người đã thoát nghèo rất dễ tái nghèo trở lại.

4.1.3. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường không chỉ là giúp họ làm kinh tế, mà còn phải giúp họ tiếp cận các dịch vụ xã hội

Trong nền kinh tế thị trường , các dịch vụ xã hội như : y tế, giáo dục, tư vấn pháp lý, ... cũng trở thành hàng hoá , những loại hàng này cũng có cung , cầu và giá cả của nó . Thị trường của các loại dịch vụ này cũng chỉ phục vụ cho những người có khả năng chi trả nhất định . Với sự yếu thế của người nghèo, nếu họ không được tiếp cận với các loại hình dịch vụ này thì không chỉ nói lên sự thiệt thòi về quyền lợi của mỗi công dân trong xã hội, mà về lâu dài còn tạo nên sự bất bình đẳng trong xã hội . Một lý do nữa , đó là lâu nay ,

những hỗ trợ, đầu tư của nhà nước về giáo dục, y tế, các dịch vụ khác rất nhiều, nhưng việc người nghèo được tiếp cận và sử dụng là rất ít và khó khăn. Phải đặc biệt coi trọng việc phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, khắc phục tình trạng quá tải ở các bệnh viện, nhất là bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh; bảo đảm an sinh xã hội, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt. Có thể gọi đây là hai trọng điểm kèm theo khâu đột phá là giáo dục, đào tạo. Bởi vì nếu lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao mà thiếu sức khỏe và cuộc sống không yên bình do gặp nhiều rủi ro thì cũng không thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống. Việc giúp người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội này giúp họ có điều kiện nâng cao điều kiện về thể chất, trí tuệ, giúp họ có được những hiểu biết về xã hội làm nền tảng giúp họ tiếp cận với những cơ hội thoát nghèo, làm chủ cuộc sống thuận lợi hơn.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường

4.2.1. Trang bị kiến thức về kinh tế thị trường cho người nghèo

Muốn có thể dựa vào thị trường để sản xuất kinh doanh, thoát nghèo, trước hết, người nghèo ở nông thôn phải có được những kiến thức về thị trường. Để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của các hộ nghèo, phải tập huấn cho nông dân về cách thức phân tích thị trường đơn giản và xây dựng kế hoạch kinh doanh cho sản phẩm mà họ muốn phát triển. Quan trọng hơn, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, một khi người nghèo còn bị hạn chế về tư duy, nhận thức về kinh tế thị trường thì thách thức, rào cản cho người nông dân trong hội nhập vẫn còn.

Nâng cao nhận thức của người nghèo về thị trường phải làm cho họ hiểu rõ rằng, trong nền kinh tế thị trường, việc sản xuất của bà con phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường, và trong xu thế tiêu dùng hiện nay, người nông dân không thể sản xuất ra những mặt hàng có thể có thể ảnh hưởng xấu cho sức khỏe người tiêu dùng được. Chỉ khi người nông dân biết nắm bắt nhu cầu thị trường, khắc phục được những hạn chế trong khâu sản xuất, trong sản phẩm mà mình làm ra thì khi đó, cơ hội tiêu thụ sản phẩm của họ sẽ cao hơn.

Việc nâng cao nhận thức về thị trường cho bà con nông dân có thể và nên lồng ghép trong các chương trình hỗ trợ pháp lý, tập huấn về nghề, tập huấn kỹ thuật sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi... Trong các chương trình này, nội dung về định hướng nhu cầu của thị trường, các yêu cầu về chất lượng sản phẩm phải được tuyên truyền cho bà con nắm rõ để họ tuân thủ các quy trình sản xuất một cách chặt chẽ, đúng kỹ thuật để có được sản phẩm có chất lượng đúng tiêu chuẩn đặt ra, đúng quy định pháp luật để đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Bài học từ những người nông dân Nhật Bản là làm ra những sản phẩm chuẩn xác đến từng chi tiết để đáp ứng sự tiện dụng tối đa cho người tiêu dùng, lồng vào đó yếu tố thẩm mỹ, văn hóa của địa phương từ đó có thể xuất khẩu tại chỗ sản phẩm của mình dựa vào du lịch.

4.2.2. Tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận được với các nguồn vốn tín dụng, nhất là nguồn tín dụng ưu đãi

Khó khăn lớn nhất của người nghèo là phụ thuộc vào nguồn vốn vay đầu tư cho sản xuất kinh doanh vì chậm được giải ngân và thanh quyết toán do sự cứng nhắc về thủ tục hành chính. Tuy nhiên không thể trông chờ nguồn vốn ngân sách ít ỏi mà cần khai thác tối đa tiềm lực sẵn có của địa phương. Tuy nhiên, huy động tiền của nông dân là rất khó bởi đời sống của họ chẳng dư dả gì. Vì vậy, Nhà nước vẫn phải có cơ chế hỗ trợ, đặc biệt là hỗ trợ lãi suất để

tạo nguồn lực cho nông thôn. Thực tế người dân rất khó tiếp cận vốn vay dù lãi suất đã giảm.

Tiếp tục củng cố và phát triển “Tổ vay vốn” tại cơ sở, đảm bảo tất cả hộ nghèo đều tham gia vào các tổ vay vốn để tiếp cận đầy đủ chính sách này. Lãnh đạo các xã, phường, thị trấn cần đề cao trách nhiệm để thực hiện tốt hơn việc vay vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo trên địa bàn.

Thực hiện cơ chế hộ nghèo đã thoát nghèo nhưng đang trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng thì tiếp tục được hưởng chính sách này đến hết hợp đồng. Áp dụng linh hoạt phương thức cho vay, chủ yếu là ủy thác từng phần cho các tổ chức chính trị- xã hội trên cơ sở hình thành các nhóm tín dụng- tiết kiệm của các tổ chức chính trị- xã hội (phụ nữ, nông dân, thanh niên). Gắn vay vốn tạo việc làm tại chỗ với dạy nghề, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

Trong điều kiện vay vốn còn khó khăn, quy mô vốn vay còn nhỏ. Để đồng vốn thực sự được phát huy một cách hiệu quả, có thể thành lập các tổ, nhóm nghề rồi cho vay, từ đó có thể nâng được số vốn cho vay lớn hơn. Cần có cơ chế tạo điều kiện cho hộ cận nghèo nhưng có dự án kinh doanh tốt được hỗ trợ vay vốn, những hộ này nếu được vay vốn, đồng vốn sẽ có được phát huy nhanh hơn, đồng thời có thể gây ra hiệu ứng lan tỏa đến những hộ khác trong vùng. Bên cạnh tăng quy mô vốn cho vay, còn có thể tăng thời gian tái cấp vốn cho các hộ, doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã để họ có thể yên tâm đầu tư sản xuất. Hiện nay, một dự án ngân hàng chỉ cho vay 40 – 50% giá trị tài sản thế chấp, vì vậy, để giải quyết tình trạng khó khăn về vốn cũng như để được hỗ trợ vốn kịp thời, các hộ nông dân cá thể nên liên kết lại để vay được nhiều hơn, hoặc có thể chia dự án thành nhiều giai đoạn và tập trung vốn

cho giai đoạn quan trọng nhất . Như thế vừa góp phần sử dụng vốn một cách có hiệu quả, vừa tạo động lực lan tỏa cho các giai đoạn sau của dự án.

Việc hỗ trợ và cho vay vốn hộ nghèo phải đi liền với công tác tư vấn, hướng dẫn sử dụng vốn vay có hiệu quả căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của từng hộ gia đình. Thời gian qua, việc cho vay vốn hộ nghèo đôi chưa thật hiệu quả, phần nhiều còn thiên về số lượng lượt hộ vay vốn nên khoản vay còn nhỏ bé, chưa thực sự giúp các hộ nghèo tạo được đà bứt phá, việc sử dụng vốn không đúng mục đích vẫn còn khá phổ biến. Nhìn chung, hiệu quả thực sự của các nguồn tài chính cung cấp cho mục tiêu xoá đói giảm nghèo còn bị hạn chế. Thực tế cho thấy nguồn vốn cho người nghèo vay sẽ phát huy tác dụng nếu có sự hướng dẫn sản xuất, tư vấn sử dụng vốn vay một cách cụ thể cho từng khách hàng vay.

4.2.3. Tăng cường cung cấp thông tin về thị trường cho người nghèo

Trong sản xuất, hầu hết các hộ gia đình nông thôn, ngay cả tại các khu vực nghèo nhất và hẻo lánh nhất, cũng có một phần sản phẩm để bán lấy tiền mặt hoặc trao đổi trên cơ sở hàng đổi hàng. Điều kiện sống ở vùng nông thôn và khó tiếp cận thông tin là rào cản làm cho họ cách biệt với thị trường. Tuy vậy, các hộ gia đình làm nông vẫn có thể đưa ra những quyết định chính xác hơn, nếu họ biết ai sẽ là người mua các sản phẩm của họ, nhu cầu thị trường về mặt chất lượng và số lượng ra sao, khi nào thì có nhu cầu, và giá cả ra sao. Việc nghiên cứu thị trường một cách chính thức để tìm hiểu về những vấn đề này rất mất thời gian và chi phí tốn kém.

Khi thiếu thông tin về sự biến động của thị trường, người sản xuất sẽ rất khó khăn trong việc tiến hành sản xuất và bán đi những sản phẩm của mình. Với những người nông dân nghèo, việc có những thông tin trên thị trường là rất khó khăn do họ không thể tự mình tiến hành điều tra, đánh giá thị trường

(hạn chế này có thể có rất nhiều nguyên nhân về trình độ, khả năng tài chính ...). Hiện nay, cách tiếp cận thông tin chính của họ là qua đài, báo, truyền hình, mạng lưới khuyến nông. Tuy nhiên, các thông tin này thường chỉ tập trung vào kỹ thuật sản xuất, trong khi đó câu hỏi đầu tiên đặt ra cho các nhà sản xuất phải là sản xuất cho ai, bao nhiêu? Sau đó mới là sản xuất như thế nào? Các thông tin bà con tiếp cận được rất chung chung về nhu cầu và giá các sản phẩm cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu... Nhận được thông tin kiểu này, với tư duy ngắn hạn, người nghèo sẽ ào ạt phát triển sản xuất một cách tự phát là điều không tránh khỏi. Một mặt khác, thị trường ngày nay rất “khó tính” trong việc sàng lọc những mặt hàng có chất lượng, đặc biệt đối với các mặt hàng nông sản. Trình độ của người tiêu dùng ngày càng cao, hơn nữa, nền kinh tế Việt Nam đang và sẽ hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực, thế giới, thì những hàng rào kỹ thuật sẽ là những trở ngại lớn nhất cho các mặt hàng sản xuất trong nước nói chung và mặt hàng nông nghiệp nói riêng. Theo dự báo của Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, IPSARD, trong thời gian tới, nông nghiệp vẫn là yếu tố hết sức quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội. Nền nông nghiệp Việt Nam đã từ giai đoạn phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu hướng tới việc nâng cao hiệu quả chất lượng và tăng trưởng bền vững. Trong bối cảnh như vậy, công tác phân tích và dự báo thị trường, cung cấp thông tin về thị trường đóng vai trò cực kỳ quan trọng, giúp cho người sản xuất bám sát được tình hình thị trường để điều tiết quy mô sản xuất, đảm bảo sản xuất theo đúng quy trình chất lượng, tránh rơi vào tình trạng được mùa mất giá; lãng phí các nguồn lực.

4.2.4. Đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để giúp người nghèo phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Mong muốn lớn nhất của cán bộ khuyến nông cơ sở là các tiến bộ kỹ thuật mình hướng dẫn bà con được áp dụng vào thực tế thành công, đời sống

của người dân ngày càng được nâng cao. Nhưng với chế độ, phụ cấp dành cho cán bộ khuyến nông cơ sở còn thấp, nếu thiếu nhiệt tâm thì khó lòng yên tâm công tác. Trong những năm tới, hoạt động khuyến nông chắc chắn sẽ gặp rất nhiều khó khăn bởi mới đây, Nghị định 02/2010 NĐ-CP ngày 8/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định từ năm 2011 sẽ không cấp kinh phí cho Trung tâm khuyến nông tỉnh và các thành phố trực thuộc Trung ương hoạt động như trước. Điều này sẽ khiến cho nhiều chương trình đang và sẽ triển khai của khuyến nông gặp ảnh hưởng lớn. Hiện nay, ngành khuyến nông đã và đang có những hướng đi tích cực nhằm đổi mới hoạt động, nâng cao hiệu quả. Bên cạnh sự chuyên hướng của ngành cũng rất cần sự chung tay, chung sức của các cấp, các ngành. Cần có cơ chế, chính sách phù hợp để hoạt động khuyến nông triển khai thuận lợi, hoạt động khuyến nông phải nhằm vào cả hai đối tượng là người nghèo, người làm sản xuất hàng hóa; lập quỹ quốc gia hỗ trợ khuyến nông để người dân có điều kiện ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nhằm phát triển sản xuất hàng hóa chất lượng cao... Trong thời gian tới, cần tập trung vào các định hướng, đó là:

- Tiếp tục thực hiện việc kiện toàn hệ thống khuyến nông từ trung ương đến cấp xã, các địa phương tập trung lựa chọn nội dung “khuyến” cho nông dân là những lợi thế của mình để giúp người nghèo thoát nghèo.

- Khuyến nông cần liên kết cùng các tổ chức xã hội sẽ nhận được sức mạnh nhiều hơn rất nhiều, tuy nhiên cũng cần phải có cơ chế hợp tác công tư để tăng cường công tác khuyến nông.

- Triển khai tốt việc gắn khuyến nông với xây dựng nông thôn mới: tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn ở cấp xã, thôn, hội. Chỉ chọn chuẩn một số cây trồng, vật nuôi phù hợp với địa phương và tập trung làm công tác

khuyến nông để giúp nông dân chuyển biến nhận thức và cách làm nhằm tăng hiệu quả sản xuất.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ gắn khuyến nông với đào tạo và phổ biến kiến thức cho nông dân vì hệ thống khuyến nông là tổ chức có thể thực hiện hiệu quả nhất việc đào tạo nông dân để tiếp tục làm nông dân.

- Các lớp khuyến nông, khuyến ngư, đào tạo nghề cần phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp, yêu cầu tái cấu trúc nông nghiệp và đảm bảo góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh.

- Phát triển các ngành phi nông nghiệp phải xuất phát từ quy hoạch sản xuất công nghiệp, dịch vụ, quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, gắn với nhu cầu sử dụng lao động theo vị trí việc làm của doanh nghiệp. Chỉ tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn khi xác định được nơi làm việc và mức thu nhập phù hợp với việc làm có được sau khi học nghề.

- Chính sách về dạy nghề nên chú trọng ưu tiên hỗ trợ dạy nghề cho những người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi và người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc dân tộc thiểu số, người bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân ...

Nội dung khuyến nông cần chú trọng lồng ghép thực hiện các tiêu chuẩn về nuôi trồng, môi trường đạt tiêu chuẩn Việt Nam, quốc tế. Việc đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng là yếu tố quyết định đến sự thành công của nông sản trong việc thâm nhập vào thị trường các nước phát triển. Đây là vấn đề khó khăn, nan giải, đầy thử thách và rủi ro cho các nước đang phát triển. Một sản phẩm định vị được trên thị trường cần phải bảo đảm về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, người nghèo càng không vì lợi nhuận trước mắt mà làm những sản phẩm trước thì tốt để “quảng cáo”, sau đó lại làm ẩu, làm dối

được. Để có được những sản phẩm có chất lượng cao, đồng nhất, công tác khuyến nông cần chú trọng hướng dẫn bà con chăm sóc theo những quy trình chuẩn, ứng dụng các phương thức sản xuất sạch, vừa sử dụng các yếu tố đầu vào một cách hợp lý, vừa có những sản phẩm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đối với công tác đào tạo nghề cần phải đa dạng hóa chương trình đào tạo (tập huấn, hội thảo, tham quan mô hình, xây dựng mô hình thí điểm và tiến tới triển khai trên diện rộng, đào tạo theo nhu cầu, đào tạo theo địa chỉ ...). Có như vậy thì các chương trình mới đáp ứng được các yêu cầu học nghề từ người học, từ thực tiễn. Trước khi triển khai các lớp học, cần thực hiện khảo sát, đánh giá thực tiễn địa phương, nhu cầu người học để lựa chọn hình thức, nội dung học phù hợp. Lúc này, thực sự cần đến vai trò định hướng của các cán bộ khoa học, cán bộ khuyến nông để thu hút bà con tích cực tham gia, tiếp thu các kiến thức phục vụ cho sản xuất, đời sống. Chỉ khi cả cán bộ khuyến nông và cả người được thụ hưởng thực hiện được một cách nghiêm túc, có trách nhiệm thì lúc đó công tác khuyến nông mới phát huy được hiệu quả cao.

4.2.5. Phát huy vai trò tích cực của mô hình liên kết “4 nhà”

Mô hình “4 nhà” bao gồm: Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nhà nông. Liên kết "4 nhà" là chìa khóa để phát triển nền nông nghiệp hiện đại, đảm bảo hài hòa lợi ích của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị sản phẩm nông sản. Đây là mô hình đã ra đời từ rất lâu, để tiếp tục hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và ổn định thị trường nông, lâm sản, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa cho người nông dân trong giai đoạn hiện nay cần xác định rõ vai trò của 4 nhà trong mô hình này.

Doanh nghiệp và nông dân là 2 tác nhân chính của các mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp là "đầu tàu", là động cơ của

mối liên kết. Doanh nghiệp giữ vai trò quan trọng liên kết "3 nhà" còn lại để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất; hỗ trợ đầu vào và thu mua sản phẩm cho nông dân; từng bước tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản. Các doanh nghiệp cần có chiến lược và kế hoạch hoạt động phù hợp với thị trường trong và ngoài nước; phải xây dựng được thương hiệu và chăm sóc thương hiệu theo định hướng cạnh tranh lành mạnh. Để các mối liên kết thật sự mạnh, ngoài việc có năng lực tổ chức khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản thì cần có các doanh nghiệp có tâm huyết, có trách nhiệm với nông dân và sự nghiệp phát triển nền nông nghiệp hiện đại.

Trong liên kết "4 nhà" của sản xuất nông nghiệp hiện nay, Chính phủ và Bộ NN&PTNT nên chuyển đổi hình thức hỗ trợ nông dân theo hướng phổ biến các kiến thức, các kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đào tạo nghiệp vụ, tay nghề để nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm; hướng dẫn và giúp nông dân tiếp cận, thực hiện được các chương trình vay vốn sản xuất ... Nhà nước cần thông tin về thị trường, thu thập thông tin, nghiên cứu, đưa ra dự báo về cung cầu thị trường, nhất là thị trường thế giới. Nhà nước phải có vai trò mở rộng thị trường thông qua việc ký kết các hiệp định với các nước, các khối... Từ đó Nhà nước dự báo, đưa ra những quy hoạch sản xuất và thông tin cho người dân biết. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách có lợi cho doanh nghiệp, có lợi cho nông dân hoặc những cơ chế chính sách tạo môi trường pháp lý cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng cho doanh nghiệp. Nhà nước phải có giải pháp đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, đào tạo nông dân một cách thiết thực; đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện trên từng địa bàn cụ thể ...

Nhà khoa học cần nghiên cứu các giống vật nuôi, cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện sinh thái và thổ nhưỡng của

từng vùng, miền; nghiên cứu quy trình kỹ thuật canh tác công nghệ cao; công nghệ chế biến bảo quản sau thu hoạch để nâng cao giá trị hàng hóa nông sản. Đây là công đoạn dễ dàng nâng cao giá trị gia tăng hàng hóa nông sản nhưng chính là khâu yếu nhất của sản xuất nông nghiệp.

4.3. Một số vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu

Hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường, giúp họ tiếp cận được với các cơ hội để thoát nghèo là hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn. Một mặt, giúp cho họ có được cơ hội để tiếp cận với các điều kiện để sản xuất, mặt khác, giúp họ có được những kiến thức, năng lực cần thiết để chủ động hơn trong việc thoát nghèo.

Tuy nhiên, vấn đề đói nghèo không thể giải quyết được trong thời gian ngắn, để hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường phát huy được hiệu quả lâu dài, giúp cho người nghèo thoát nghèo bền vững, thì còn nhiều vấn đề đặt ra cần phải giải quyết:

- Cần có những khảo sát, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của mỗi địa phương đang được hưởng các chương trình, chính sách về XDGN một cách sát thực hơn;

- Cần rà soát lại các chương trình đang thực hiện, tránh thực hiện chồng chéo các nội dung trong cùng một địa phương, những điểm còn bất cập trong các chương trình cần phải có kiểm tra, chỉnh sửa kịp thời, những chương trình nào thực sự không có tác dụng thì có thể tổng kết đánh giá và dừng luôn để tránh việc vừa gây lãng phí vừa không hiệu quả;

- Cần phải có đánh giá, kiểm tra hiệu quả, tính khả thi của các hoạt động hỗ trợ theo sát với từng địa phương, các đối tượng được thụ hưởng để có thể kịp thời khắc phục các bất cập có thể có trong quá trình thực hiện;

- Thừa nhận quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất cho nông dân và tạo điều kiện để thị trường đất đai được hoàn thiện . Chỉ khi người nông dân , người nghèo nông thôn được làm chủ trên chính mảnh đất của mình , họ mới thực sự có cơ hội để thoát nghèo . Khi chủ quyền về mảnh đất được xác lập , người nông dân có thể có được quyền định giá đất thông qua trao đổi với người mua, họ có thể góp vốn sản xuất bằng mảnh đất đó với tư cách là một người chủ hoặc cũng có thể họ sẽ đầu tư sản xuất trên chính mảnh đất đó.

- Tỉnh Nghệ An và cơ quan có liên quan đi đầu là các sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở Khoa học – Công Nghệ, cần tiến hành khảo sát, đánh giá lại cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh, nếu thấy cần thiết thì quyết tâm đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu cây trồng ở những địa phương hiện tại chưa có cơ cấu cây trồng hợp lý. Việc tái cơ cấu cây trồng cần phải có đánh giá cụ thể theo từng địa phương, gắn với nhu cầu của thị trường, không nên theo xu thế trồng đại trà, tránh trường hợp các địa phương cùng nhau trồng một loại cây, vừa góp phần nâng cao chất lượng của các sản phẩm, vừa tránh được hiện tượng cạnh tranh giữa các địa phương và còn góp phần làm cho thị trường phong phú hơn. Bên cạnh đó, cần mạnh dạn đầu tư thực hiện nông nghiệp công nghệ cao, quy mô đủ lớn để đem lại năng suất, chất lượng tốt, kết hợp với quảng bá, xây dựng thương hiệu để từ đó có cơ hội cho những loại sản phẩm này tiếp cận được đến các thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Một vấn đề khó khăn đặt ra là do địa bàn tỉnh có nhiều vùng thuộc khu vực miền núi đặc biệt khó khăn, không chỉ khó khăn về điều kiện địa lý mà còn cả về điều kiện tự nhiên, vì thế điều kiện để bà con sản xuất, canh tác nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa là gần như không thể. Vậy thì với những người nghèo thuộc vùng miền núi đặc biệt khó khăn, để bà con dần thoát đói nghèo thì bên cạnh các trợ cấp để xóa đói hàng năm theo các chương trình dự án, thì điều thực sự cần để người dân ở đây thoát khỏi đói nghèo một

cách bền vững, trước hết không thể làm ngay một ngày hai, mà cần phải có chiến lược thực sự dài hơi, trước hết bắt đầu từ giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng. Khi người dân ở đây đã được đảm bảo điều kiện ban đầu về sức khỏe và có kiến thức cơ bản ban đầu, thì khi có các dự án, có các lớp học nghề, họ sẽ có ý thức hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các dự án đó, khi đó các dự án hỗ trợ cho họ mới thực sự có ý nghĩa, có hiệu quả. Ngoài ra, với những vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn như thế, không nhất thiết cứ phải chú trọng đầu tư vào nông nghiệp để xóa đói giảm nghèo, mà cần có nghiên cứu, đánh giá cụ thể để chuyển đổi sang các ngành phi nông nghiệp, đào tạo cho người lao động có kiến thức, kỹ năng để họ có thể đi lao động ở những vùng khác (cả trong và ngoài nước).

- Ngoài ra, các chương trình dự án XĐGN của Nhà nước cũng như của tỉnh cần phải có những giải pháp để nâng cao tính tích cực, chủ động của người nghèo khi tham gia vào các dự án. Ngay từ khâu khảo sát, đánh giá thực trạng để tiến hành xây dựng dự án, ngoài việc điều tra, đánh giá hiện trạng mức sống, điều kiện kinh tế – xã hội của các vùng, cần phải để người dân được nói lên tiếng nói của mình, nguyện vọng của mình... Nói cách khác, đó là việc cần phải để người dân cùng tham gia vào công cuộc XĐGN cho họ một cách tích cực hơn nữa. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để họ nhận thức được rằng XĐGN không chỉ là nhiệm vụ của Nhà nước, của toàn xã hội, mà trước hết là bổn phận của chính người nghèo, phụ thuộc vào sự vận động tự giác của bản thân người nghèo, cộng đồng nghèo. XĐGN phải được coi là sự nghiệp của bản thân người nghèo, cộng đồng nghèo, bởi vì sự nỗ lực tự vươn lên để thoát nghèo chính là động lực, là điều kiện cần cho sự thành công của mục tiêu chống đói nghèo ở các nước.

Nhà nước sẽ trợ giúp người nghèo biết cách tự thoát nghèo và tránh tái nghèo khi gặp rủi ro. Bên cạnh sự hỗ trợ về vật chất trực tiếp thì việc tạo việc làm cho người nghèo bằng cách hướng dẫn người nghèo sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế theo điều kiện cụ thể của họ chính là điều kiện xoá đói giảm nghèo thành công nhanh và bền vững.

Do thời gian và trình độ có hạn nên đề tài chưa có điều kiện nghiên cứu các vấn đề trên. Hy vọng, thời gian tới, tại những công trình nghiên cứu khác, sẽ tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này nhằm tìm ra các biện pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường, đưa họ thoát nghèo bền vững.

KẾT LUẬN

1. XDGN là mục tiêu của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là XDGN cho những người dân vùng nông thôn, miền núi, những vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn. Trong thời gian tới, khi mà Việt Nam đã đạt được mức thu nhập bình quân bằng mức thu nhập trung bình (thấp) của thế giới, dân số Việt Nam đang trong thời kỳ “Cửa sổ dân số vàng”, nền kinh tế đang trong giai đoạn khó khăn, chuẩn nghèo của Việt Nam đang ở mức thấp so với thế giới, thì những thách thức cho quá trình XDGN càng lớn, điều này đòi hỏi không chỉ sự nỗ lực, tâm huyết hơn nữa của đội ngũ những người đang tham gia vào thực hiện các chương trình XDGN, mà còn là sự nỗ lực, chủ động của chính những người nghèo trong việc tiếp cận các cơ hội để thoát nghèo.

2. Tại Nghệ An, hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường đã góp phần đáng kể vào thành tựu chung của công cuộc xóa đói giảm nghèo trên địa bàn. Tỷ lệ nghèo đói tại các vùng nông thôn đã giảm từ 23,96% năm 2006 xuống còn 18,79% năm 2011. Điều đó là nhờ tỉnh đã có những chính sách và biện pháp tích cực trong hỗ trợ người nghèo, đặc biệt là hỗ trợ họ tiếp cận thị trường.

3. Quá trình thực hiện hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường tại tỉnh Nghệ An tuy đạt được nhiều thành tựu, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Trong đó, nổi cộm lên là: các hỗ trợ chưa thực sự gắn với nhu cầu người dân, chưa đáp ứng được nhu cầu người dân; chưa thực sự giúp họ phát huy sự chủ động của mình. Nhiều hỗ trợ còn ở mức đơn giản (cho, cầm tay c hí việc, đào tạo các nghề...); các nguồn lực cho XDGN còn thiếu ...

4. Để khắc phục các hạn chế, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ người nghèo nông thôn tiếp cận thị trường nhằm giúp họ thoát nghèo bền vững, trong thời gian tới Nghệ An cần thực hiện nhiều giải pháp khác nhau, trong đó cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp: Nâng cao sự hiểu biết của người

nghèo về kinh tế thị trường; Tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận được với các nguồn vốn tín dụng, nhất là nguồn tín dụng ưu đãi; Tăng cường cung cấp thông tin về thị trường cho người nghèo; Hoạt động của các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cần tập trung hơn vào đối tượng người nghèo.

5. Do trình độ và khuôn khổ luận văn, nên tác giả thấy còn nhiều vấn đề đặt ra trong hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường mà đề tài chưa có điều kiện giải quyết. Về lâu dài, để sự hỗ trợ phát huy được hiệu quả, cần phải giải quyết các vấn đề: xây dựng làng nghề dựa theo chuỗi giá trị; tạo điều kiện, khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất có sự tham gia của người nghèo qua đó tạo việc làm và tăng thu nhập; hỗ trợ đăng ký xuất xứ, thương hiệu cho các sản phẩm, qua đó làm tăng thêm giá trị cho sản phẩm; ... Hy vọng các vấn đề nêu trên sẽ được giải quyết thỏa đáng trong một công trình khác trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2011- 2020* (kèm Công văn số 3310/BNN-KH ngày 12/10/2009);
2. Chương trình giảng dạy Kinh tế FulBright (2008), *Vai trò của Nhà nước đối với phát triển nông thôn*, môn Chuyên đổi cơ cấu nông thôn;
3. Chương trình tiếp cận thị trường cho người nghèo Sơn La Việt Nam (2006), *Hội nhập thị trường của nông dân nghèo vùng cao- Khảo sát thực tế ở 12 xã nghèo vùng cao Sơn La*; Sơn La 2/2006;
4. Cục Thống kê Nghệ An (2014), *Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 năm 2014 tỉnh Nghệ An*, Nghệ An 10/2014
5. Đặng Trung Kiên (2012), "Để phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững", <http://www.qdnd.vn>
6. Đỗ Hồng Quân (2010), "Đổi mới chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất nông nghiệp", Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, <Http://giamngheo.mpi.gov.vn>
7. Lê Hương Kiều Bích (29/4/2010), "*Giúp nông dân nhận thức về nền kinh tế thị trường*", , www.thongtinkhcn.com.vn;
8. Lê Thị Anh (2007), "Manh mún đất đai sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay", <http://www.trithucvaphattrien.vn/>
9. Ngân hàng Phát triển Châu Á- ADB (2007), *Báo cáo Tổng hợp tin thị trường và phát triển*, Hà Nội.
10. Nguyễn Hữu Tiên, Lê Xuân Bá, Chu Tiến Quang (2001), *Nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp.
11. Ngân hàng Phát triển Châu Á – ADB (2005), "*Kết nối nông dân với thị trường thông qua sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng*" (Hà Nội, 9/2005)

12. Nhóm Hành động chống đói nghèo (PTF) (2003), *Đánh giá nghèo có sự tham gia của cộng đồng tại Nghệ An*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
13. Tạ Quang Minh- Cục trưởng Cục Sở hữu Trí tuệ (2013), *Xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam: việc cần làm ngay* Nguồn: <http://laodong.com.vn/Lao-dong-cuoi-tuan/Xay-dung-thuong-hieu-nong-san-Viec-can-lam-ngay/29613.bld>
14. Thúy Nga (2012), *Tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Nâng cao vai trò của nông dân*, <http://kinhtenongthon.com.vn/Story/kinhte-thitruong/2012/4/33584.html>;
15. Tuyết Yên (2011), *Liên kết 4 nhà xây dựng nông thôn mới*, 26/7/2011 <Http://giamngheo.mpi.gov.vn>
16. Trần Thị Hằng (2001), *Vấn đề giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
17. Tổ chức phát triển Hà Lan - SNV (2006), “*Hội nhập thị trường của nông dân nghèo vùng cao. Khảo sát thực tế ở 12 xã nghèo vùng cao tỉnh Sơn La*”, Sơn La
18. UBND tỉnh Nghệ An (2012), *Báo cáo Kết quả thực hiện các chương trình giảm nghèo năm 2011, Quý I/2012 và một số nhiệm vụ trọng tâm đến cuối năm 2012*, Nghệ An 4/2012;
19. UBND tỉnh Nghệ An (2013), *Báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế xã hội 2013 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2014*, Nghệ An, 11/2013;
20. UBND tỉnh Nghệ An (2011), *Dự thảo Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2011-2015*, Nghệ An 2011;
21. UBND tỉnh Nghệ An (2011), *Chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011- 2015*, , 11/2011;
22. “*Bảo trợ xã hội*”- Báo cáo chung của các nhà tài trợ tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, Hà Nội, ngày 6 - 7 tháng 12 năm 2007;
23. NHCS Tỉnh Nghệ An (2011), *Báo cáo tổng kết hoạt động*.

24. Bộ môn nghiên cứu Chiếu và chính sách (2011), *Xoá đói giảm nghèo - Phương pháp tiếp cận mới*, <http://ipsard.gov.vn/dspr/news/newsdetail.asp?targetID=2485>
25. Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung (2012), *Khuyến nông, khuyến ngư theo hướng sản xuất hàng hóa và thị trường*, Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung. <http://www.markets4poor.org/>

Website

26. <http://www.nghean.vn/wps/portal>
27. <http://sonnptnt.nghean.vn/>
28. <http://sldtbxhnghean.gov.vn/VN/>
29. <http://www.tuphap.nghean.gov.vn>
30. <Http://giamngheo.mpi.gov.vn>